

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Hà

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO
CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ
VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Hà
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Hà

Mã SV: 120390

Lớp: QT1202K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh
tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu những vấn đề cơ bản về công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty.
 - Đi sâu vào nghiên cứu và mô tả thực trạng công tác tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
 - Đưa ra những nhận xét chung về công tác tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp nói chung và tại đơn vị thực tập nói riêng.
 - Tìm ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại đơn vị.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Tất cả các số liệu sổ sách kế toán năm 2011 tại đơn vị thực tập và một số mẫu bảng biểu của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải.
Địa chỉ: Số 8 – Lý Nam Đế - P. Minh Khai – Q. Hồng Bàng – Tp. Hải Phòng.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: ThS. Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ kinh tế

Cơ quan công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Sinh viên Lê Thị Hà – lớp QT1202K, trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp đã có tinh thần và thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng.
- Đã nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Chấp hành tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến các nội dung trong đề tài.
- Đảm bảo đúng tiến độ, thời gian theo quy định của giáo viên hướng dẫn và của nhà trường.
- Cẩn thận và độc lập trong nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận về công tác tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.
- Nắm được tình hình kế toán nói chung và cách tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị thực tập.
- Đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.
- Đảm bảo chất lượng của khóa luận tốt nghiệp đại học.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| MỤC LỤC..... | 1 |
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP..... | 3 |
| 1.1 Khái quát chung về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp. | 3 |
| 1.1.1 Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế. | 3 |
| 1.1.2 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính. | 5 |
| 1.1.3 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính. | 6 |
| 1.1.4 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp. | 10 |
| 1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh. | 12 |
| 1.2.1 Khái niệm, vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh | 12 |
| 1.2.2 Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh và cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh. | 13 |
| 1.2.3 Nội dung và Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. | 14 |
| 1.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả kinh doanh. | 18 |
| 1.3.1 Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp..... | 18 |
| 1.3.2 Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh..... | 20 |
| 1.3.3 Nội dung phân tích báo cáo kết quả kinh doanh..... | 22 |
| CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI..... | 30 |
| 2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải. | 30 |
| 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty | 30 |
| 2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty MDCIC. | 30 |
| 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty MDCIC. | 31 |
| 2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty MDCIC. | 34 |
| 2.2 Thực trạng tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty MDCIC. | 38 |
| 2.2.1 Cơ sở số liệu lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công MDCIC..... | 38 |
| 2.2.2 Trình tự lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty MDCIC..... | 38 |
| | 39 |
| 2.3 Thực trạng tổ chức phân tích tài chính của công ty MDCIC thông qua báo cáo kết quả kinh doanh. | 66 |
| 2.4 Đánh giá thực trạng tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công MDCIC..... | 67 |

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.4.1 Kết quả đạt được | 67 |
| 2.4.1 Những mặt còn hạn chế..... | 68 |
| CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI. | 69 |
| 3.1 Cơ sở và sự cần thiết phải hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải. | 69 |
| 3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty MDCIC..... | 70 |
| 3.2.1 Xây dựng quy trình phân tích..... | 70 |
| 3.1.2 Thực hiện các nội dung phân tích. | 72 |
| KẾT LUẬN | 94 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 95 |

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường, sự cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng trở lên gay gắt. Để đứng vững trên thị trường, để có quyết định kinh doanh đúng đắn, các nhà kinh doanh, các nhà đầu tư phải sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin khác nhau trong đó thông tin từ phân tích Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng và hiệu quả.

Xuất phát từ nhu cầu quản lý kinh tế ngày chặt chẽ, các doanh nghiệp đã có sự quan tâm thích đáng đến công tác phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp mình thông qua Báo cáo tài chính. Qua phân tích Báo cáo tài chính họ có căn cứ để đánh giá tốt hơn tình hình sử dụng vốn cũng như thực trạng xu hướng hoạt động của doanh nghiệp, xác định được các nhân tố ảnh hưởng, mức độ cũng như xu hướng tác động của từng nhân tố đến kết quả kinh doanh, từ đó, các đối tượng quan tâm có thể ra quyết định tối ưu nhất.

Báo cáo tài chính là báo cáo phản ánh tổng hợp tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình dòng tiền trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, có thể nói Báo cáo tài chính là bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính của doanh nghiệp và là công cụ hữu ích để phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ đó các chủ thể có thể có quyết định cần thiết về quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Công ty Cổ Phần Tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải hoạt động trong nền kinh tế thị trường, muốn kiểm soát quá trình hoạt động kinh doanh công ty phải chú trọng đến tổ chức lập và phân tích Báo cáo tài chính.

Xuất phát từ thực trạng trên, em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải”.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

Kết cấu của bài khoá luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực tế tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát chung về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế.

- **Khái niệm báo cáo tài chính (BCTC)**

BCTC là những báo cáo kế toán tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, công nợ cũng như tình hình chi phí, kết quả kinh doanh và các thông tin tổng quát khác về doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nói cách khác, BCTC là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm (chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay, các cơ quan chức năng...)

BCTC là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của đơn vị. Theo đó, BCTC chứa đựng những thông tin tổng hợp nhất về tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nói cách khác, BCTC là phương tiện trình bày thực trạng tài chính và khả năng sinh lời của doanh nghiệp cho những người quan tâm (chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay...)

BCTC là bắt buộc đối với các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, được nhà nước quy định thống nhất về danh mục các báo cáo, biểu mẫu và hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp lập, nơi gửi báo cáo và thời gian gửi báo cáo.

- **Sự cần thiết của BCTC trong công tác quản lý kinh tế.**

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống BCTC được lập nhằm giúp những người ra quyết định đánh giá chính xác thực trạng tài chính và tiềm năng của doanh nghiệp, lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu trên cơ sở đánh giá khả năng tạo ra các dòng tiền, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, mức lợi nhuận... Bởi vậy,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

thông tin từ hệ thống BCTC và phân tích BCTC có vai trò quan trọng đối với nhiều phía cả trong và ngoài doanh nghiệp.

Đối với các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp: Họ quan tâm đến nhiều mục tiêu khác nhau: tạo công ăn, việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm bớt chi phí, đóng góp phúc lợi xã hội... Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại nếu đảm bảo được thử thách sống còn và cũng là 2 mục tiêu cơ bản: kinh doanh có lãi và thanh toán công nợ. Như vậy, vì mục đích tồn tại và phát triển, hơn ai hết, các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp phải có đủ thông tin, hiểu rõ doanh nghiệp và liên kết các thông tin với nhau về mọi mặt: tình hình tài chính, khả năng sinh lợi, đánh giá rủi ro... Từ đó, các nhà quản lý có thể đưa ra những quyết định đúng đắn nhất, hiệu quả nhất cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với các nhà đầu tư, các chủ nợ: BCTC của doanh nghiệp sẽ giúp họ nhận biết khả năng về tài chính, tình hình sử dụng hiệu quả các loại vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Từ đó, có cơ sở tin cậy cho họ quyết định đầu tư vào doanh nghiệp, cho doanh nghiệp vay hay không? Khi khả năng về tài chính của doanh nghiệp khả quan, khi doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, khả năng sinh lời cao và bền vững thì việc quyết định đầu tư, cho vay thậm chí với giá trị lớn của các nhà đầu tư, nhà cho vay là điều tất yếu.

Đối với nhà cung cấp: BCTC của doanh nghiệp giúp họ nhận biết cơ bản về khả năng thanh toán, để từ đó họ có thể quyết định bán hàng hay không bán hàng hoặc áp dụng phương thức thanh toán hợp lý để nhanh chóng thu hồi tiền hàng.

Đối với khách hàng: BCTC giúp họ phân tích, đánh giá khả năng, năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp để quyết định có ứng tiền hàng trước khi mua hàng hay không?

Đối với các cơ quan hữu quan của Nhà nước như tài chính, ngân hàng, kiểm toán, thuế... BCTC của doanh nghiệp là tài liệu quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm toán và hướng dẫn, tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện các chính

sách, chế độ, thể lệ về tài chính, kế toán, thuế và kỹ luật tài chính, tín dụng, ngân hàng...

1.1.2 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày BCTC phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21-Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

BCTC phải trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực hợp lý, các BCTC phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Doanh nghiệp phải lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán cho việc lập và trình bày BCTC phù hợp với các quy định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy khi:

- Trình bày trung thực hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
- Trình bày khách quan, không thiên vị.
- Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.
- Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Trong trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành thì doanh nghiệp phải căn cứ vào chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý, cụ thể. Khi xây dựng các phương pháp kế toán doanh nghiệp cần xem xét:

- Những yêu cầu và hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán đề cập đến những vấn đề tương tự và có liên quan.
- Những khái niệm, tiêu chuẩn, điều kiện xác định và ghi nhận đối với các tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí được quy định trong chuẩn mực chung.

- Những quy định đặc thù của ngành nghề kinh doanh chỉ được chấp thuận khi những quy định này phù hợp với 2 điểm trên của đoạn này.

Việc lập BCTC phải căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán, BCTC phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. BCTC phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký và đóng dấu của đơn vị.

1.1.3 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các quy định về nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính được quy định tại chuẩn mực số 21- Trình bày Báo cáo tài chính (Ban hành và công bố theo quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) bao gồm:

- **Nguyên tắc hoạt động liên tục:**

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Khi đánh giá nếu biết được có những điều không chắc chắn liên quan có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì những điều không chắc chắn đó cần phải được nêu rõ. Nếu báo cáo tài chính không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, thì sự kiện này cần được nêu ra, cùng với cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là hoạt động liên tục.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám Đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

- **Nguyên tắc cơ sở dồn tích:**

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền.

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

nhận vào sổ kế toán, báo cáo tài chính của các kỳ kế toán có liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thoả mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

- **Nguyên tắc nhất quán:**

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện; hoặc:

Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong trình bày.

Việc thay đổi cách trình bày chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới sẽ được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc nếu lợi ích của cách trình bày mới được xác định rõ ràng. Khi có thay đổi, thì doanh nghiệp phải phân loại thông tin mang tính so sánh cho phù hợp với các quy định của đoạn 30 và giải trình lý do, ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- **Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp:**

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng. Thông tin được coi là trọng yếu nếu không được trình bày hoặc trình bày thiếu chính xác về thông tin đó dẫn đến có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể nếu các khoản mục này không được trình bày riêng biệt. Tuy nhiên có những khoản mục không được coi là trọng yếu để có thể trình bày riêng biệt trên báo cáo tài chính, nhưng lại được coi là trọng yếu để được trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu.

- **Nguyên tắc bù trừ:**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên BCTC không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:

- Được quy định tại chuẩn mực kế toán khác; hoặc

- Các khoản lỗ, lãi và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch, các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu. Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

- Các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện. Việc bù trừ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.

Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” quy định doanh thu phải được đánh giá theo giá trị hợp lý của những khoản đã thu hoặc có thể thu được, trừ đi tất cả các khoản giảm trừ doanh thu. Trong hoạt động kinh doanh thông thường, doanh nghiệp thực hiện những giao dịch khác không làm phát sinh doanh thu, nhưng lại có liên quan đến các hoạt động chính làm phát sinh doanh thu. Kết quả của các giao dịch này sẽ được trình bày bằng cách khấu trừ các khoản chi phí có liên quan phát sinh trong cùng một giao dịch vào khoản thu nhập tương ứng, nếu cách trình bày này phản ánh đúng bản chất của các giao dịch hoặc sự kiện đó. Chẳng hạn như:

Lãi, lỗ phát sinh trong việc thanh lý các tài sản cố định và đầu tư dài hạn,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

được trình bày bằng cách khấu trừ giá trị ghi sổ của tài sản và các khoản chi phí thanh lý có liên quan vào giá bán tài sản;

Các khoản lãi và lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần, ví dụ như các khoản lãi lỗ do chênh lệch tỷ giá, lãi lỗ phát sinh từ hoạt động mua bán các công cụ tài chính với mục đích thương mại. Tuy nhiên, các khoản lãi lỗ này cần được trình bày riêng biệt nếu quy mô, tính chất hoặc tác động của chúng yêu cầu phải được trình bày riêng biệt theo quy định của chuẩn mực “Lãi, lỗ thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán”.

- **Nguyên tắc so sánh:**

Các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán với nhau nên phải được trình bày tương ứng với các thông số bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều đó là cần thiết giúp cho người sử dụng hiểu rõ báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

Khi thay đổi cách trình bày hoặc cách phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính, thì phải phân loại lại các số liệu so sánh (trừ khi việc này không thể thực hiện được) nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại, và phải trình bày tính chất, số liệu và lý do việc phân loại lại. Nếu không thể thực hiện được việc phân loại lại các số liệu tương ứng mang tính chất so sánh thì doanh nghiệp cần phải nêu rõ nguyên nhân và tính chất của những thay đổi nếu việc phân loại lại số liệu được thực hiện.

Trường hợp không thể phân loại lại các thông tin mang tính so sánh để so sánh với kỳ hiện tại, như trường hợp mà cách thức thu thập các số liệu trong các kỳ trước đây không cho phép thực hiện việc phân loại lại để tạo ra những thông tin so sánh thì doanh nghiệp cần phải trình bày tính chất của các điều chỉnh lẽ ra cần phải thực hiện đối với các thông tin số liệu mang tính so sánh khi các thay đổi về chính sách kế toán được áp dụng cho kỳ trước.

1.1.4 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

1.1.4.1 Hệ thống BCTC doanh nghiệp

❖ Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC quy định cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm:

• **Báo cáo tài chính năm:**

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DNN)

Mỗi BCTC phản ánh các nghiệp vụ, sự kiện ở các phạm vi và góc độ khác nhau, do vậy chúng có sự tương hỗ lẫn nhau trong việc thể hiện tình hình tài chính sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không có BCTC nào chỉ phục vụ cho một mục đích hoặc có thể cung cấp mọi thông tin cần thiết làm thỏa mãn mọi nhu cầu sử dụng. Điều này nói lên tính hệ thống của BCTC trong việc cung cấp thông tin cho người sử dụng. Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày trong từng BCTC quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, để phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế - tài chính, yêu cầu quản lý điều hành các ngành, các tổng công ty, các tập đoàn sản xuất, liên hiệp các xí nghiệp, các công ty liên doanh... Có thể căn cứ vào đặc thù của mình để nghiên cứu, cụ thể hóa và xây dựng thêm các BCTC chi tiết khác cho phù hợp, nhưng phải được Bộ Tài Chính chấp thuận bằng văn bản.

1.1.4.2 Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính

- Lập BCTC năm là trách nhiệm của tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế. Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập thêm BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

1.1.4.3. Kỳ lập Báo cáo tài chính

- Kỳ lập BCTC năm: Doanh nghiệp phải lập BCTC theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập BCTC cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

1.1.4.4. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

- **Đối với doanh nghiệp Nhà nước**

- Thời hạn nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày đối với các đơn vị kế toán và chậm nhất là 90 ngày đối với Tổng công ty Nhà nước kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

- **Đối với các loại hình doanh nghiệp khác**

DN tư nhân và công ty hợp danh phải nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày, đối với các đơn vị kế toán khác chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoài ra các đơn vị kế toán khác trực thuộc đơn vị cấp trên nộp BCTC năm (quý) cho cấp trên theo thời hạn do đơn vị cấp trên quy định.

1.1.4.5. Nơi nộp Báo cáo tài chính

Tất cả các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm nộp BCTC cho các cơ quan chủ quản của mình tại tỉnh, thành phố đó. Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Trung ương nộp BCTC cho cơ quan chủ quản của mình là Bộ Tài Chính.

- Theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, nơi nộp BCTC được quy định cụ thể như sau:

| <i>Loại hình doanh nghiệp</i> | <i>Nơi nhận báo cáo tài chính</i> | | |
|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|
| | <i>Cơ quan Thuế</i> | <i>Cơ quan đăng ký kinh doanh</i> | <i>Cơ quan Thống kê</i> |
| 1- Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân. | x | x | x |
| 2- Hợp tác xã | x | x | |

Chú thích: Các cơ quan có đánh dấu “X” là các cơ quan bắt buộc phải nộp.

1.1.4.6. Công khai báo cáo tài chính

Đơn vị kế toán thuộc hoạt động kinh doanh phải công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hình thức công khai báo cáo tài chính**
 - Phát hành ấn phẩm
 - Thông báo bằng văn bản
 - Niêm yết
 - Các hình thức khác theo quy định
- **Nội dung công khai báo cáo tài chính**
 - Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
 - Kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Trích lập và sử dụng các quỹ.
 - Thu nhập của người lao động.

Riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải công khai BCTC năm trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khác thời hạn công khai BCTC chậm nhất là 120 ngày.

1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.1 Khái niệm, vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh

- **Khái niệm**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Ngoài báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước.

- **Vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh.**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện kết quả của các hoạt động của một doanh nghiệp trong 1 kỳ nhất định. Báo cáo này phản ánh tổng quát các khoản

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

doanh thu phát sinh và các chi phí đã sử dụng để tạo ra doanh thu đó, và lãi hay lỗ thuần là chênh lệch giữa doanh thu và chi phí.

Chức năng của báo cáo này là cung cấp các căn cứ cho người sử dụng đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp các thông tin cho người sử dụng sự đánh giá về hiệu quả của một doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nó trình bày các nguồn chính tạo ra thu nhập và các khoản chi phí liên quan đến thu nhập đó. Nó so sánh các hao phí nguồn lực của doanh nghiệp bỏ ra với kết quả thực hiện qua 1 thời kỳ hoạt động kinh doanh và giúp cho người sử dụng dự đoán được triển vọng trong tương lai của doanh nghiệp. Ngoài ra Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần còn phải tính cả chỉ tiêu lợi tức trên cổ phần, để đánh giá khả năng sinh lời của công ty.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua tổng số lãi hoặc lỗ thuần trong một thời kỳ. Nó liệt kê các khoản doanh thu, chi phí, sau đó đưa ra kết quả lãi hoặc lỗ thuần. Doanh thu biểu thị sự tăng vốn của doanh nghiệp do bán hàng hoá hay cung cấp dịch vụ. Chi phí biểu thị giá trị sử dụng tài sản trong các hoạt động tạo ra doanh thu. Lãi hay lỗ đánh giá hiệu quả tổng quát của hoạt động kinh doanh bao gồm cả sự biến đổi về vốn chủ sở hữu trong một thời kỳ (trừ các khoản đầu tư của chủ sở hữu hay phân chia cho các chủ sở hữu).

Như vậy Báo cáo kết quả kinh doanh chỉ ra các hướng và cung cấp các căn cứ để dự đoán mức độ thành công của một doanh nghiệp. Các chỉ tiêu như: tỷ số giữa chi phí và doanh thu, tỷ suất giữa lãi thuần và vốn chủ sở hữu... được sử dụng để phân tích BCTC của doanh nghiệp.

1.2.2 Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh và cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh.

- **Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh.**

Để đảm bảo tính kịp thời và chính xác của các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán cần tiến hành các bước công việc sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

- Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cập nhật vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục việc ghi sổ kế toán (đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng chứng minh cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh).

- Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Khoá sổ kế toán tổng hợp và khoá sổ kế toán chi tiết.

- Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các sổ kế toán tổng hợp với nhau, giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết. Nếu thấy chưa phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa sổ.

- Thực hiện việc kiểm kê tài sản theo chế độ quy định, nhằm điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán phù hợp với kết quả kiểm kê.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• Cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh.

- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước.

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

1.2.3 Nội dung và Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- “Mã số” ghi ở cột B được dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính.

- Số liệu ghi vào cột C “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số liệu ghi vào cột 2 “Năm trước” của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 1 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

- *Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ghi vào cột 1 “Năm nay” như sau:*

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ” và tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”

trong năm báo cáo và trên sổ Cái.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là Luỹ kế bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, và TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” đối ứng với bên Có của các Tk 521 “Chiết khấu thương mại”, Tk 531 “Hàng bán bị trả lại”, Tk 532 “Giảm giá hàng bán”, TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”(TK 3331, TK 3332, TK 3333) trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên Có của TK 632 “ Giá vốn hàng bán”, trong kỳ báo cáo tương ứng bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên Sổ Cái.

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Mã số 20 = Mã số 10 - Mã số 11

6. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên Nợ của TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính” Đối ứng với bên Có của Tk 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

7. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên có của TK 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

- Chi phí lãi vay (Mã số 23)

Chỉ tiêu này phản ánh lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào sổ chi tiết TK 635.

8. Chi phí quản lý kinh doanh (Mã số 25)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng phát sinh bên Có của TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}$$

10. Thu nhập khác (Mã số 31)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Nợ của TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng với bên Có của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

11. Chi phí khác (Mã số 32)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có của TK 811 “Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

12. Lợi nhuận khác (Mã số 40)

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 51)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của tài khoản 821 “ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” đối ứng với bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 821, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên nợ của TK821 đối ứng bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo, trường hợp số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 821.

$$\text{Mã số 51} = \text{Mã số 50} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - (\text{Mã số 51} + \text{Mã số 52})$$

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

Mẫu biểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị:.....

Mẫu số B02 – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm ...

Đơn vị tính:.....

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------|-----------|
| A | B | C | 1 | 2 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | IV.08 | | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | | |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | | |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | | | |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24) | 30 | | | |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | | |
| 11. Chi phí khác | 32 | | | |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | | |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | IV.09 | | |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 51 | | | |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | | |

Lập, ngàytháng.....năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.

1.3.1 Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp

- **Khái niệm**

Hoạt động tài chính là một bộ phận của hoạt động sản xuất kinh doanh và có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng tới tình hình tài chính của doanh nghiệp. Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu lại có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, phân tích hoạt động tài chính giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phân tích hoạt động tài chính là việc miêu tả các mối quan hệ cần thiết giữa các khoản và các nhóm khoản mục trên báo cáo tài chính để xác định các chỉ tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trong việc đưa ra các quyết định tài chính phù hợp với mục tiêu của đối tượng đó.

- **Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp**

Phân tích tài chính doanh nghiệp mà trọng tâm là phân tích báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính đặc trưng thông qua hệ thống các phương pháp, công cụ và kỹ thuật giúp người ta sử dụng thông tin từ các góc độ khác nhau vừa đánh giá được toàn diện, tổng quát và khái quát lại, vừa xem xét lại một cách chi tiết hoạt động tài chính doanh nghiệp để nhận biết, dự báo và đưa ra quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp. Có rất nhiều người quan tâm và sử dụng thông tin kinh tế của công ty và mỗi người lại theo đuổi những mục tiêu khác nhau. Do nhu cầu về thông tin tài chính công ty rất đa dạng đòi hỏi phân tích tài chính phải được tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau để từ đó đáp ứng nhu cầu của người quan tâm. Chính điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho phân tích tài chính ra đời, ngày càng hoàn thiện và phát triển, đồng thời cũng tạo ra sự phức tạp của phân tích tài chính. Việc phân tích tài chính doanh nghiệp là mối quan tâm hàng đầu của nhiều đối tượng, trước hết là ban giám đốc, các nhà đầu tư, các chủ nợ, những người cho vay, các đối tác... đặc biệt là cơ quan chủ quản nhà nước và người lao động. Mỗi nhóm người này có nhu cầu sử dụng thông tin khác

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

nhau song họ đều có hướng tập trung vào những khía cạnh riêng trong bức tranh tài chính của doanh nghiệp.

Đối với nhà quản lý: Phân tích tài chính nhằm đáp ứng các mục tiêu cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp như: tìm kiếm lợi nhuận, đảm bảo khả năng thanh toán công nợ, tăng sức cạnh tranh trên thị trường... Ngoài ra, nhờ hoạt động phân tích tài chính mà các nhà quản lý doanh nghiệp có thể đánh giá chính xác, kịp thời các thông tin kinh tế, thấy được thực trạng tài chính cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các nhà đầu tư: Họ cần có những thông tin trung thực, khách quan về thực trạng tài chính của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn. Do vậy, phân tích hoạt động tài chính đối với nhà đầu tư là để đánh giá khả năng sinh lời, mức độ rủi ro, khả năng hoàn trả... của công ty.

Đối với người cho vay: Đây là những người cho công ty vay vốn để đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Khi cho vay họ phải biết chắc được khả năng hoàn trả nợ vay. Do đó, mối quan tâm hàng đầu của họ tới doanh nghiệp là khả năng thanh toán nợ, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Ngoài ra, họ còn quan tâm tới khả năng sinh lời, tiềm năng của doanh nghiệp trong tương lai. Điều này sẽ cho phép họ mạo hiểm hơn trong quyết định cho vay.

Đối với cơ quan nhà nước: Giúp Nhà nước nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp để từ đó đề ra các chính sách vĩ mô đúng đắn (chính sách thuế, lãi suất đầu tư...) nhằm tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động.

Đối với những người hưởng lương trong công ty: Đây là những người có nguồn thu nhập duy nhất là tiền lương được trả. Tuy nhiên, cũng có những công ty người được hưởng lương có một phần cổ phiếu nhất định trong công ty thì họ có thu nhập từ lương và tiền lời được chia. Cả hai khoản tiền này đều phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó, phân tích tài chính giúp họ định hướng việc làm ổn định của mình, trên cơ sở đó yên tâm dốc sức vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tùy thuộc vào công việc được phân công, đảm nhiệm.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Đối với công ty kiểm toán: Công ty kiểm toán sẽ sử dụng báo cáo tài chính doanh nghiệp và các bằng chứng khác mà kiểm toán thu được để xác định tính hợp lý, trung thực của các số liệu và phát hiện những gian lận hoặc sai sót của doanh nghiệp.

Từ đó ta thấy, phân tích tài chính là công cụ hữu ích được dùng để xác định giá trị kinh tế, để đánh giá mặt mạnh yếu của một công ty, tìm ra nguyên nhân khách quan và chủ quan, giúp cho từng đối tượng lựa chọn và đưa ra những quyết định phù hợp với mục đích mà họ quan tâm.

1.3.2 Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.

Phương pháp phân tích tài chính là cách thức, kỹ thuật để đánh giá tình hình tài chính của công ty ở quá khứ, hiện tại và dự đoán tài chính trong tương lai. Từ đó giúp các đối tượng đưa ra quyết định kinh tế phù hợp với mục tiêu mong muốn của từng đối tượng. Để đáp ứng mục tiêu của phân tích tài chính có nhiều phương pháp tiến hành như phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ, phương pháp phân tích nhân tố, phương pháp dự đoán... Nhưng thông thường người ta hay sử dụng hai phương pháp sau:

- **Phương pháp so sánh:**

- *Điều kiện so sánh:*

Khi so sánh theo thời gian, các chỉ tiêu cần thống nhất về nội dung kinh tế, phương pháp phân tích, đơn vị đo lường. Khi so sánh về không gian, người ta thường so sánh trong một ngành nhất định. Nên ta cần phải quy đổi về cùng một quy mô với cùng một điều kiện kinh doanh tương tự.

- *Tiêu chuẩn so sánh:*

Là chỉ tiêu dùng để làm mốc khi so sánh, tiêu chuẩn so sánh được lựa chọn tùy theo mục tiêu so sánh. Mục tiêu so sánh sẽ quy định các kỹ thuật, phương pháp để đạt được mục tiêu đã đề ra.

- *Mục tiêu so sánh:* để đáp ứng các mục tiêu sử dụng của những chỉ tiêu so sánh, quá trình so sánh giữa các chỉ tiêu được thể hiện dưới 3 hình thái:

- + **Số tuyệt đối:** là kết quả so sánh giữa các kỳ phân tích, được thực hiện bằng phép trừ (-) giữa các mức độ của chỉ tiêu đang xem xét ở các kỳ khác nhau. So sánh

bằng số tuyệt đối phản ánh biến động về mặt quy mô hoặc khối lượng của chỉ tiêu phân tích.

+ Số tương đối: là kết quả so sánh giữa các kỳ phân tích, được thực hiện bằng phép chia (:) giữa các mức độ của chỉ tiêu đang xem xét ở các kỳ khác nhau. So sánh bằng số tương đối phản ánh mối quan hệ tỷ lệ, kết cấu của từng chỉ tiêu trong tổng thể; hoặc biến động về mặt tốc của chỉ tiêu đang xem xét giữa các thời gian khác nhau.

+ Số bình quân: là chỉ số biểu hiện tính phổ biến của chỉ tiêu phân tích.

- *Phân tích theo chiều dọc và phân tích theo chiều ngang*

+ Quá trình so sánh, xác định tỷ lệ, quan hệ tương quan giữa các dữ kiện trên báo cáo tài chính của kỳ hiện hành được gọi là quá trình phân tích theo chiều dọc.

+ Quá trình so sánh, xác định tỷ lệ và chiều hướng tăng giảm của các dữ kiện trên báo cáo tài chính của nhiều kỳ khác nhau, được gọi là quá trình phân tích theo chiều ngang. Tuy nhiên, phân tích theo chiều ngang cần chú ý trong điều kiện xảy ra lạm phát, kết quả tính được chỉ có ý nghĩa khi chúng ta đã loại trừ ảnh hưởng của biến động giá.

- **Phương pháp phân tích tỷ số:**

Nguồn thông tin kinh tế tài chính đã và đang được cải tiến cung cấp đầy đủ hơn, đó là cơ sở hình thành các chỉ tiêu tham chiếu tin cậy cho việc đánh giá tỷ số tài chính trong doanh nghiệp. Việc áp dụng công nghệ tin học cho phép tích lũy dữ liệu và đẩy nhanh quá trình tính toán. Phương pháp phân tích này giúp cho việc khai thác, sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ số theo chuỗi thời gian liên tục hoặc gián đoạn.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ số và đại cương tài chính trong các quan hệ tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp này đòi hỏi phải xác định được các ngưỡng, các định mức để từ đó nhận xét và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu và tỷ số tài chính của doanh nghiệp với các tỷ số tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ số tài chính được phân thành các nhóm chỉ tiêu đặc trưng phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung có bốn nhóm chỉ tiêu cơ bản sau:

- + Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán
- + Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư
- + Nhóm chỉ tiêu về hoạt động
- + Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời

1.3.3 Nội dung phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

Quá trình đánh giá khái quát tình hình tài chính qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có thể thông qua việc phân tích 3 nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.
- Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng.
- **Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động do chức năng kinh doanh đem lại, trong từng thời kỳ hạch toán của doanh nghiệp, là cơ sở chủ yếu để đánh giá, phân tích hiệu quả các mặt, các lĩnh vực hoạt động, phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân cơ bản đến kết quả chung của doanh nghiệp. Bảng phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn và chính xác sẽ là số liệu quan trọng để tính và kiểm tra số thuế doanh thu, thuế lợi tức mà doanh nghiệp phải nộp và sự kiểm tra, đánh giá của các cơ quan quản lý về chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

Mẫu biểu: Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢNG PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Đồng.

| Chỉ tiêu | Năm nay (2011) | Năm trước (2010) | Chênh lệch | |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|-----------------|-----|
| | | | Số tuyệt đối | % |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1.Doanh thu BH CCDV | | | | |
| 2.Các khoản giảm trừ DT | | | | |
| 3.Doanh thu thuần về BH & CCDV | | | | |
| 4.Giá vốn hàng bán | | | | |
| 5.Lợi nhuận gộp về BH & CCDV | | | | |
| 6.Doanh thu HĐTC | | | | |
| 7.Chi phí tài chính | | | | |
| 8.Chi phí QLDN | | | | |
| 9.LN thuần từ HĐKD | | | | |
| 10.Thu nhập khác | | | | |
| 11.Chi phí khác | | | | |
| 12.Lợi nhuận khác | | | | |
| 13.Tổng LN kế toán trước thuế | | | | |
| 14. Chi phí thuế TNDN | | | | |
| 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | |

BẢNG PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MDCIC

(Trong 3 năm 2009, 2010, 2011)

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | So với D.thu thuần (%) | | | 2010-2009 | | 2011-2010 | |
|---------------------------------|----------|----------|----------|------------------------|------|------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | | | | 2009 | 2010 | 2011 | Số tiền | Tỉ lệ (%) | Số tiền | Tỉ lệ (%) |
| 1. Doanh thu từ BH& CCDV | | | | | | | | | | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | | | | | | | | |
| 3. Doanh thu thuần từ BH& CCDV | | | | | | | | | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | | | | | | | | | | |
| 5. Lợi nhuận gộp | | | | | | | | | | |
| 6. Doanh thu hoạt động TC | | | | | | | | | | |
| 7. Chi phí tài chính | | | | | | | | | | |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | | | | | | | | | | |
| 9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD | | | | | | | | | | |
| 10. Thu nhập khác | | | | | | | | | | |
| 11. Chi phí khác | | | | | | | | | | |
| 12. Lợi nhuận khác | | | | | | | | | | |
| 13. Tổng lợi nhuận trước thuế | | | | | | | | | | |
| 14. Chi phí thuế TNDN | | | | | | | | | | |
| 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | | | | | | |

(Trích nguồn Báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm 2009, 2010, 2011)

- **Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận**

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp không chỉ tiến hành một loại hoạt động sản xuất mà còn tham gia vào nhiều loại hình hoạt động đa dạng nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của mình. Chính vì vậy, lợi nhuận từ các loại hoạt động thu về khi tổng hợp lại thành lợi nhuận của doanh nghiệp cần phải được tiến hành phân tích và đánh giá khái quát giữa doanh thu, chi phí và kết quả trong mối quan hệ chung trong tổng số các mặt hoạt động.

Căn cứ vào bảng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (phần I: Lãi, Lỗ) ta có thể lập bảng phân tích như sau:

Bảng 1.1: Phân tích đánh giá về kết cấu chi phí, doanh thu và lợi nhuận

| Chỉ tiêu | Thu nhập | | Chi phí | | Lợi nhuận | |
|-------------------------------|----------|---|---------|---|-----------|---|
| | Số tiền | % | Số tiền | % | Số tiền | % |
| Hoạt động sản xuất kinh doanh | | | | | | |
| Hoạt động tài chính | | | | | | |
| Các hoạt động khác | | | | | | |
| Tổng Số | | | | | | |

Qua bảng phân tích trên ta có thể rút ra nhận xét về tình hình doanh thu do các hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại tương ứng với chi phí bỏ ra. Từ đó cho thấy tỉ trọng kết quả của từng loại hoạt động trong tổng số hoạt động mà doanh nghiệp tham gia.

- **Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của doanh nghiệp**

Các số liệu trên báo cáo tài chính chưa lột tả được hết thực trạng tài chính của doanh nghiệp, do vậy các nhà tài chính còn dùng các chỉ tiêu tài chính để giải thích thêm về các mối quan hệ tài chính và coi các chỉ tiêu tài chính là những biểu hiện đặc trưng nhất về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Các nhóm chỉ tiêu tài chính đặc trưng bao gồm:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

- Nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho các chỉ số hoạt động của doanh nghiệp.

- Nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho khả năng sinh lời.

○ ***Các chỉ số về hoạt động:***

Các chỉ số này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các loại tài sản khác nhau.

➤ **Vòng quay các khoản phải thu:**

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm và được xác định theo công thức:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}$$

Số dư bình quân các khoản phải thu được tính bằng cách cộng số phải thu đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm được tính ở đây chính là tổng doanh thu của ba loại hoạt động (hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác).

Số vòng quay càng lớn, chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh, đó là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu (không phải cung cấp tín dụng cho khách hàng hay không bị khách hàng chiếm dụng vốn).

➤ **Kỳ thu tiền trung bình:**

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Kỳ thu tiền trung bình phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi được các khoản phải thu (số ngày một vòng quay các khoản phải thu). Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ và ngược lại. Kỳ thu tiền trung bình được xác định theo công thức sau:

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

Tuy nhiên, kỳ thu tiền trung bình cao hay thấp trong nhiều trường hợp chưa thể kết luận chắc chắn mà còn phải xem xét lại các mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như: mục tiêu mở rộng thị trường, chính sách tín dụng của doanh nghiệp. Mặt khác, chỉ tiêu này có thể được đánh giá là khả quan nhưng doanh nghiệp cũng cần phải phân tích kỹ hơn vì tầm quan trọng của nó và kỹ thuật tính toán đã che dấu đi các khuyết tật trong việc quản trị các khoản phải thu.

➤ Vòng quay vốn lưu động:

Vòng quay vốn lưu động phản ánh trong kỳ vốn lưu động quay được mấy vòng. Công thức xác định như sau:

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

Trong đó, vốn lưu động bình quân được tính bằng cách cộng Tài sản lưu động và Đầu tư ngắn hạn đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng vốn lưu động bình quân tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được mấy đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao. Muốn làm được như vậy thì cần phải rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ hàng hoá...

➤ Số ngày một vòng quay vốn lưu động:

Số ngày một vòng quay vốn lưu động phản ánh trung bình một vòng quay vốn lưu động hết bao nhiêu ngày. Công thức xác định như sau:

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay vốn lưu động}}$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

➤ Vòng quay toàn bộ vốn:

Vòng quay toàn bộ vốn phản ánh vốn của doanh nghiệp trong một kỳ quay được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu này ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp thể hiện qua doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản doanh nghiệp đã đầu tư. Công thức xác định như sau:

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn sản xuất bình quân}}$$

Trong đó, vốn sản xuất bình quân được tính bằng cách cộng tổng nguồn vốn đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Vòng quay càng lớn hiệu quả sử dụng vốn càng cao.

○ ***Các chỉ số sinh lời :***

➤ Tỷ suất doanh lợi doanh thu:

Tỷ suất này thể hiện trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thu được trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận và được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ suất doanh lợi doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Để đánh giá chỉ tiêu này tốt hay xấu phải đặt nó trong một ngành cụ thể và so sánh nó với năm trước và doanh nghiệp cùng ngành.

➤ Tỷ suất doanh lợi tổng vốn (ROA)

Tỷ suất này là chỉ tiêu đo lường mức độ sinh lời của đồng vốn. Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra mấy đồng lợi nhuận. Công thức xác định:

$$\text{Doanh lợi tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn sản xuất kinh doanh bình quân}}$$

Trong đó vốn sản xuất bình quân được tính bằng cách cộng tổng nguồn vốn đầu kỳ với cuối kỳ chia đôi.

Chỉ tiêu tỷ suất doanh lợi tổng vốn còn được đánh giá thông qua chỉ tiêu vòng quay vốn và doanh lợi doanh thu

$$\text{Doanh lợi tổng vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn sản xuất bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

➤ Tỷ suất doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)

Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận ròng cho các chủ nhân của doanh nghiệp đó. Tỷ suất doanh lợi chủ sở hữu là chỉ tiêu để đánh giá mục tiêu đó.

$$\text{Tỷ suất doanh lợi vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn chủ sở hữu bình quân tham gia vào kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận thuần.

Các chỉ số sinh lời rất được các nhà quản trị tài chính quan tâm bởi vì chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất định. Hơn thế các chỉ số này còn là cơ sở quan trọng để các nhà hoạch định đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI.

2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải.
- Tên giao dịch quốc tế: Mien Duyen Hai Consulting Technical Planning Investment Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: MDCIC
- Địa chỉ : Số 8 , Lý Nam Đế , phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Tel: 0316252469
- Fax: 0316252468
- Email: mienduyenhai69@gmail.com
- Vốn điều lệ : 6.800.000.000 VND
- Mã số thuế : 0200587473

Công ty được thành lập với tên ban đầu là Công ty Cổ Phần Tư vấn Thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải (tên giao dịch MDCIC) được đăng ký lần đầu ngày 05/05/2004 và đăng ký thay đổi lần hai vào ngày 28/04/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000822 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/05/2004.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty MDCIC.

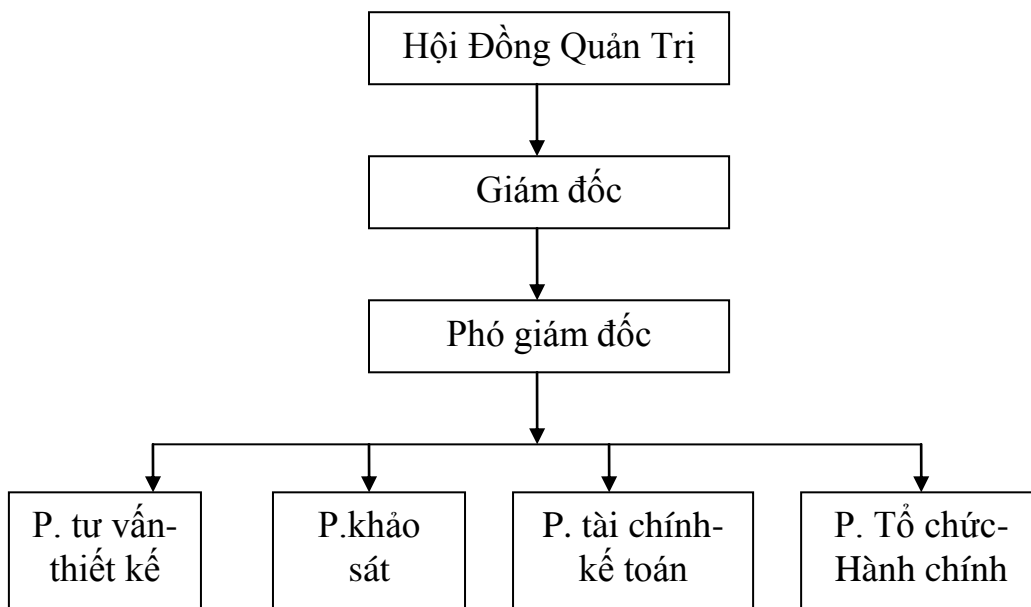
- Khảo sát, xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, cơ sở hạ tầng, công trình trạm và đường dây điện đến 35KW.
- Khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn, đầu tư, giám sát chất lượng công trình xây dựng, khu công nghiệp, khu đô thị.

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, dự toán cho các công trình, thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, cơ sở hạ tầng các công trình giao thông.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty MDCIC.

Công ty hoạt động trên tinh thần “ Hiệu quả công việc” là chính, bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, cán bộ nhân viên không nhiều nhưng làm việc đạt hiệu quả cao.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng nên ta có sơ đồ bộ máy quản lý của công ty như sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức Bộ máy quản lý của công ty MDCIC

Với tổ chức bộ máy quản lý như trên mỗi bộ phận đều có một chức năng và quyền hạn nhất định. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong công việc điều hành và quản lý công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị bao gồm các cổ đông tham gia góp vốn trong công ty, người có cổ phiếu cao nhất được bầu làm Chủ tịch hội đồng quản trị. Các cổ đông

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

có quyền tham gia biểu quyết đóng góp ý kiến đối với sự phát triển của Công ty, nhưng quyết định quan trọng vẫn thuộc về Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cụ thể Hội đồng quản trị quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của công ty; quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, kế toán trưởng và những người quản lý khác; quyết định phương án sử dụng, phân chia lợi nhuận và xử lý lãi lỗ của công ty.

Giám đốc:

- Bao quát toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh của công ty
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, điều hành hoạt động của công ty đảm bảo bảo toàn vốn và kinh doanh có lãi.
- Thay mặt công ty ký các hợp đồng, văn bản, báo cáo, các chứng từ phát sinh trong quá trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ký đó.
- Quyết định mức lương, tiêu chuẩn, nhiệm vụ xây dựng cơ chế thi đua khen thưởng cán bộ công nhân viên trong công ty .
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong công ty.
- Khi vắng mặt phải uỷ quyền bằng văn bản và chịu trách nhiệm về công việc.

Phó giám đốc:

Dưới Giám đốc là Phó giám đốc, Phó giám đốc là người trực tiếp giúp việc, tham mưu cho Giám đốc công ty.

Hiện công ty có một phó giám đốc, tham gia quản lý cùng Giám đốc công ty phụ trách và chịu trách nhiệm về toàn bộ việc kinh doanh của công ty.

Phòng tư vấn-thiết kế:

- Tham mưu cho Giám đốc lập kế hoạch, quản lý và báo cáo về mặt kỹ thuật tiết kiệm những công trình mà công ty nhận thầu.
- Tham mưu đề xuất các phương án thi công mang lại hiệu quả tốt nhất.
- Thực hiện các công trình đúng tiến độ cũng như chất lượng, đảm bảo công trình có tính thẩm mỹ cao, kết cấu được đảm bảo an toàn.
- Kết hợp chỉ đạo đơn vị thi công thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ trong hợp đồng.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

Phòng khảo sát.

- Có nhiệm vụ đo đạc tại hiện trường, định vị vị trí xây dựng.
- Khảo sát địa chất tại khu vực xây dựng.
- Thu thập những thông tin cần thiết đầy đủ kịp thời có liên quan đến công trình xây dựng để cho phòng thiết kế thiết kế công trình.

Phòng Tài chính-Kế toán:

- Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty về quản lý tài chính, tài sản công ty theo đúng quy định trong pháp lệnh kế toán thống kê.
- Lập dự trù kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm theo quy định của công ty.
- Lập báo cáo kế toán tài chính năm theo quy định của công ty
- Tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và hạch toán giá thành sản phẩm theo từng công trình theo đúng các quy định hiện hành.
- Có trách nhiệm xây dựng trình đăng ký kế hoạch tài chính hàng năm.
- Thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê, chế độ kế toán về báo cáo tài chính hiện hành đối với công ty.

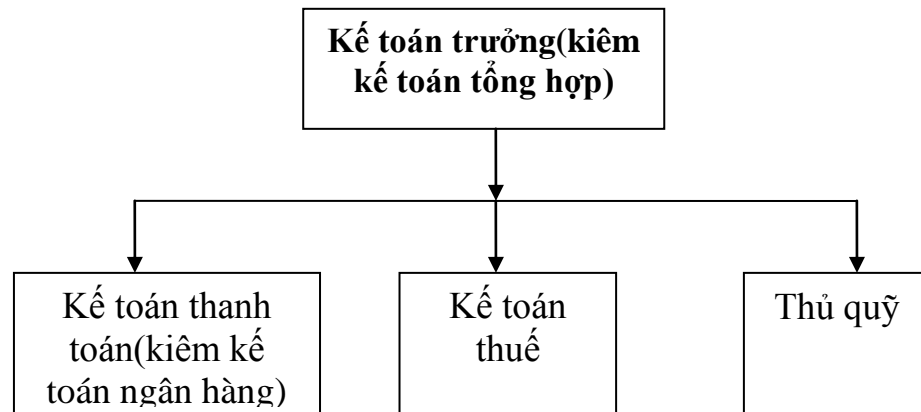
Phòng Tổ chức- Hành chính

- Quản lý nhân sự nhằm sử dụng hợp lý và có hiệu quả lao động trong Công ty. Thực hiện các chế độ chính sách theo Luật lao động tiền lương. Chịu trách nhiệm về những hoạt động hàng ngày của văn phòng Công ty.
- Kiểm tra các đơn vị trong công ty thực hiện điều lệ tổ chức và lao động, quy định, quy chế về công tác tổ chức lao động theo chủ trương, đường lối của đảng và chính sách của nhà nước hiện hành.
- Nghiên cứu xây dựng các văn bản phục vụ cho các công tác quản lý tổ chức lãnh đạo đối với các đơn vị thuộc công ty. Dự thảo quy chế điều lệ tổ chức lao động, sửa đổi, điều lệ của công ty trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định.
- Tổ chức triển khai, lãnh đạo, đôn đốc kiểm tra công tác quản lý lao động và điều động, tuyển dụng và sử dụng lao động theo đúng các quy định của nhà nước hiện hành và nội bộ công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty MDCIC.

2.1.4.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty MDCIC.

Để thực hiện được các yêu cầu của công tác quản lý và hạch toán thống nhất trong công ty. Công ty đã áp dụng mô hình tổ chức kế toán tập trung theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty MDCIC

Theo sơ đồ trên:

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

- Là người giúp việc cho Giám đốc công ty, tổ chức chỉ đạo toàn bộ hệ thống kế toán thống kê tài chính trong công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc công ty và sự chỉ đạo kiểm tra về mặt chuyên môn của các cơ quan quản lý tài chính của nhà nước, tham vấn cho giám đốc để có thể ra các quyết định hợp lý.

- Đồng thời tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở số liệu sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo tài chính, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin nhằm tư vấn cho giám đốc Công ty về vấn đề tài chính kế toán của Công ty.

Kế toán thanh toán kiêm kế toán ngân hàng

- Chịu trách nhiệm theo dõi công nợ với khách hàng, các nhà cung cấp và thầu phụ. Kiểm tra kiểm soát các chứng từ mua vật tư của công ty, tính hợp lý của

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

chứng từ trước khi trình kế toán trưởng phê duyệt. Chịu trách nhiệm theo dõi cả khoản tài chính liên quan đến ngân hàng, giao dịch với ngân hàng.

- Có nhiệm vụ hàng tháng lập nhu cầu vốn, giao dịch vay vốn với ngân hàng, mở sổ sách theo dõi tiền vay, tiền gửi ngân hàng, lập báo cáo; kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

Kế toán thuế

- Theo dõi các khoản thuế, tính lập các tờ khai thuế hàng tháng.

- Chịu trách nhiệm lập báo cáo thuế cho công ty, tính ra số thuế phải nộp hoặc được hoàn lại cho đơn vị; tính toán và trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản nộp vào ngân sách nhà nước.

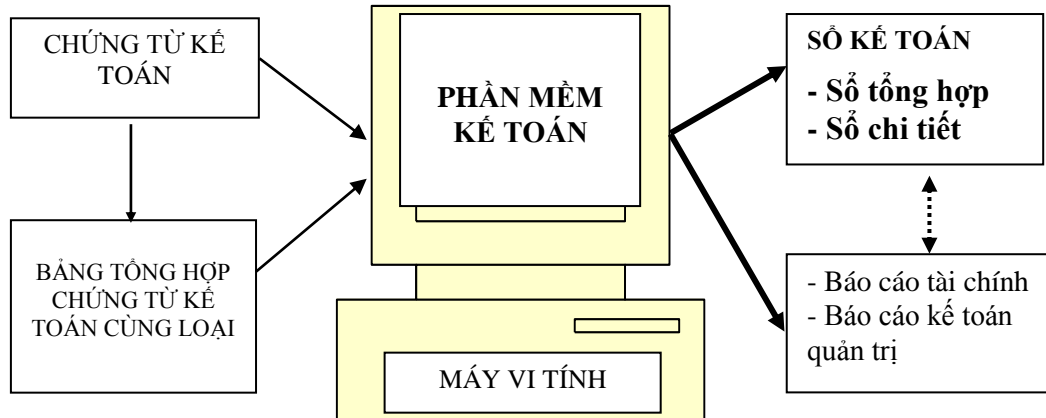
Thủ quỹ

Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

2.1.4.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy theo sổ nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

- Ghi số liệu hàng ngày
- Ghi cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

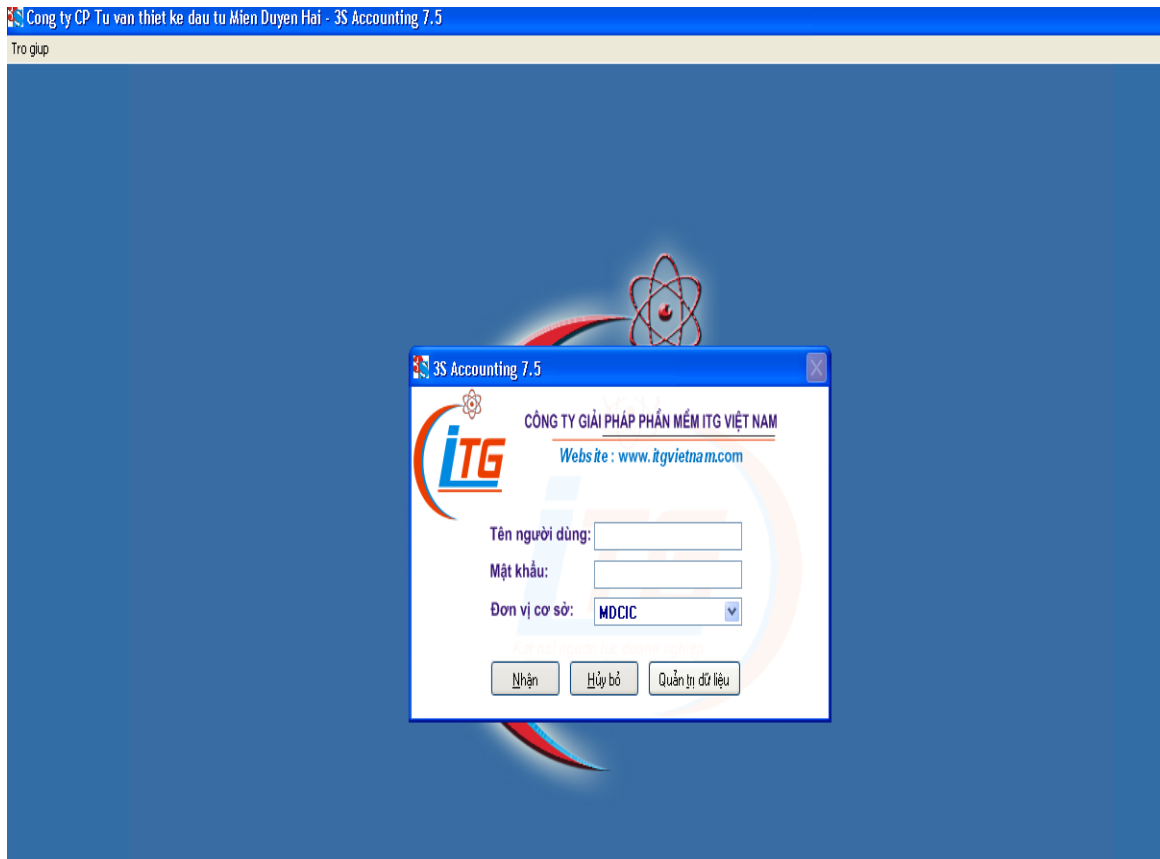
Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp (sổ cái và sổ nhật ký chung) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào) kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với Báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

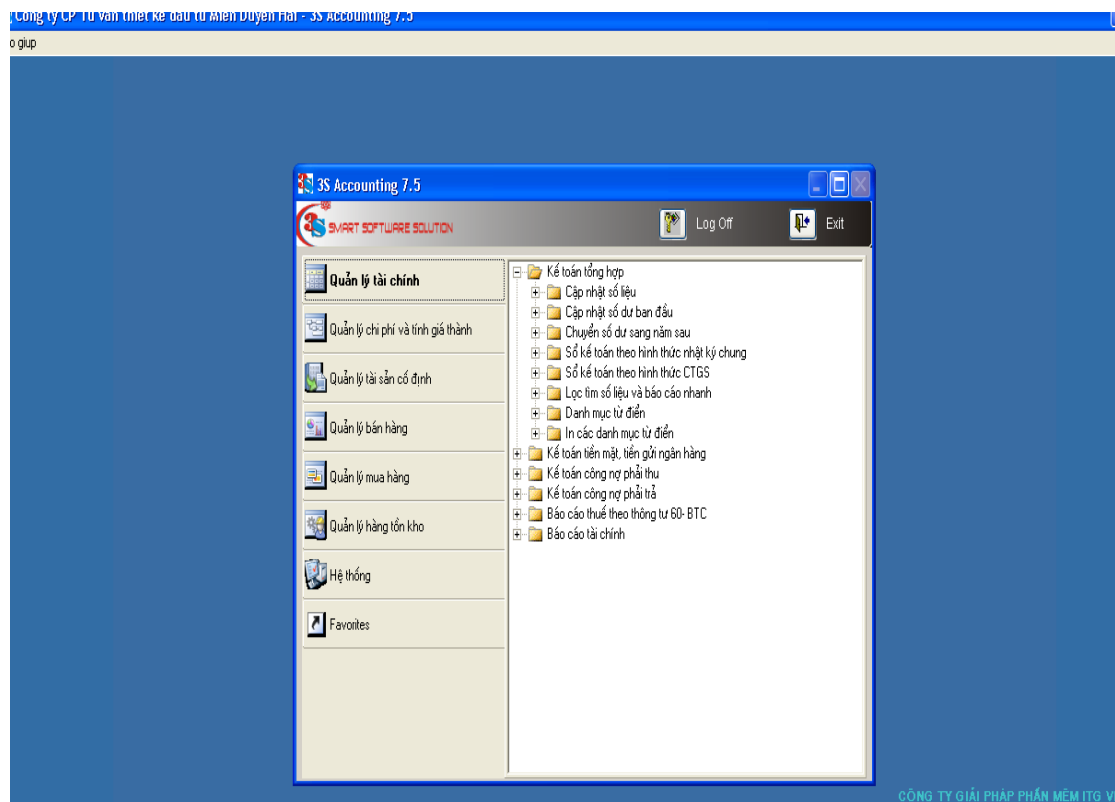
Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Hiện công ty đang sử dụng phần mềm kế toán 3S Finance 7.5

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải



Khi màn hình hiện lên, người dùng nhập tên và mật khẩu rồi ấn “nhận”:



Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Kế toán sẽ chọn vào các phần hành mà mình muốn làm. Cập nhật dữ liệu vào máy vi tính và in các bảng biểu cần thiết đã được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Công ty tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hệ thống các chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty MDCIC.

2.2.1 Cơ sở số liệu lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công MDCIC.

Tại công ty MDCIC cơ sở số liệu để lập Báo cáo kết quả kinh doanh là:

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.
- Sổ kế toán tổng hợp trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

2.2.2 Trình tự lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty MDCIC.

2.2.2.1 Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán trên sổ nhật ký chung:

Định kỳ kế toán tiến hành kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nghĩa là các nghiệp vụ kế toán được kế toán nhập vào máy tính có chứng từ hay không. Nếu có sai sót, kế toán phải có biện pháp xử lý kịp thời.

Các bước kiểm tra như sau:

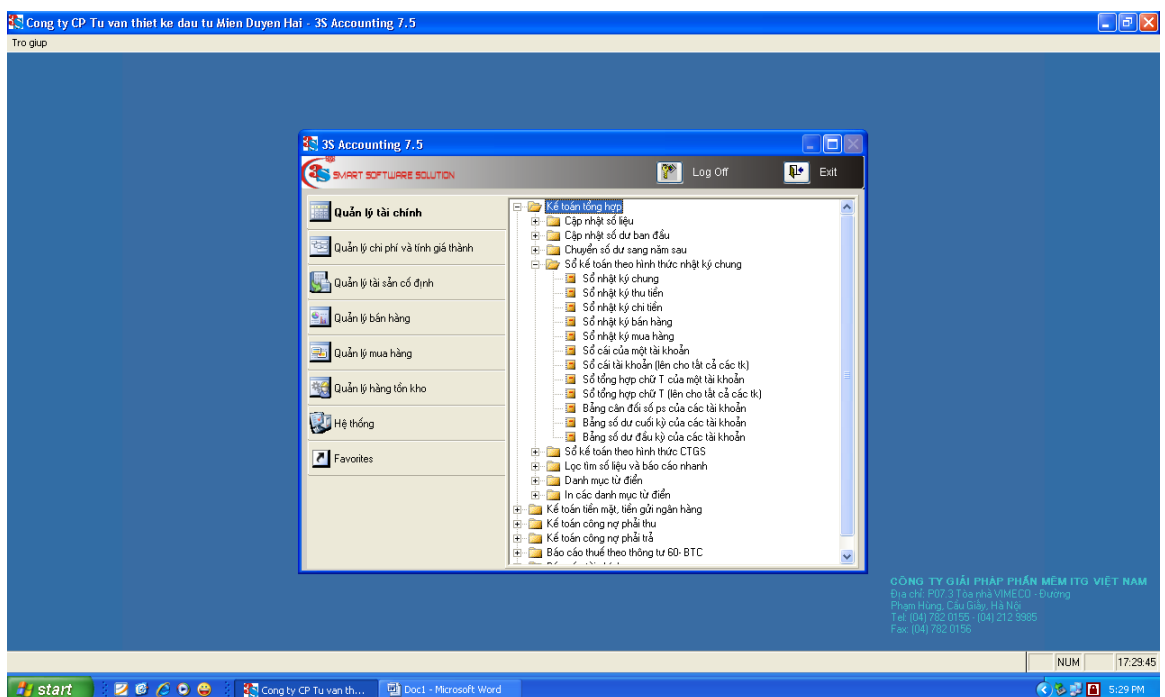
Bước 1: Kế toán tiến hành in sổ Nhật ký chung.

Bước 2: Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kiểm tra và sắp xếp chứng từ theo trình tự thời gian phát sinh các nghiệp vụ.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

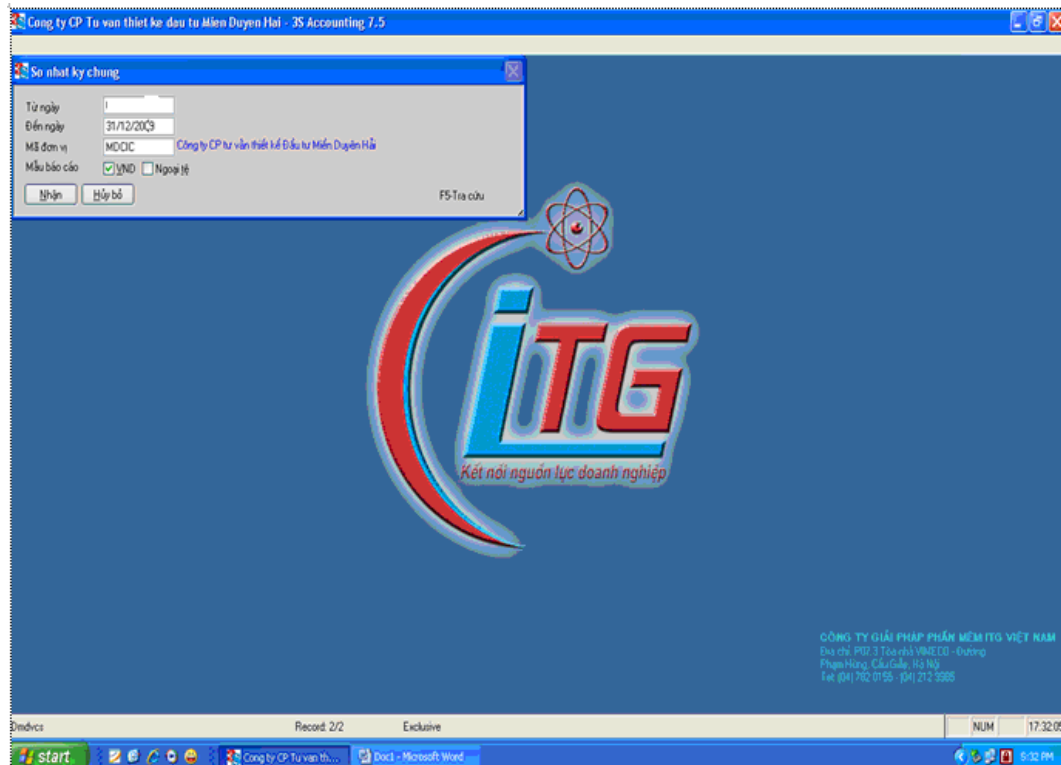
Bước 3: Kiểm tra, đối chiếu chứng từ với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào Nhật ký chung trên các khía cạnh:

- Số lượng chứng từ với số lượng các nghiệp vụ được phản ánh vào sổ Nhật ký chung.
- Nội dung kinh tế từng chứng từ với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh vào sổ Nhật ký chung.
- Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong sổ Nhật ký chung.
- Kiểm soát sự phù hợp về số tiền theo từng chứng từ và số tiền nghiệp vụ phản ánh trong sổ nhật ký chung.
- Kiểm soát ngày chứng từ trên chứng từ kế toán, ngày chứng từ trên sổ Nhật ký chung, và ngày ghi sổ chứng từ.
- Chọn mục “quản lý tài chính”, “kế toán tổng hợp”. Màn hình xuất hiện:



Sau đó chọn khoản mục “Số Nhật ký chung”. Màn hình xuất hiện

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải



Sau khi màn hình hiện lên như trên, người dùng nhập ngày tháng cần xem sổ nhật ký chung, rồi ấn “nhận”. Màn hình xuất hiện sổ nhật ký chung.

| Ngày | Ma_ct0 | So_ct | So_ct0 | Ma_kh | Ten_kh | Diễn_giai | Tk | Ten_tk | Ps_no | Ps_co | Ma_vv | Ma_et |
|-------|--------|-------|---------|-------|------------------------|-------------------------------|------|------------------------------|----------------|----------------|-------|-------|
| | | | | | | Tổng phát sinh trong kỳ | | | 18 084 362 521 | 18 084 362 521 | | |
| 01/12 | PC | 189 | 666098 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán dịch vụ viễn thông | 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 352 929 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 189 | 666098 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán dịch vụ viễn thông | 1111 | Tiền Việt Nam | | 352 929 | | PCI |
| 01/12 | PC | 189 | 666098 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán dịch vụ viễn thông | 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của | 35 293 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 189 | 666098 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán dịch vụ viễn thông | 1111 | Tiền Việt Nam | | 35 293 | | PCI |
| 01/12 | PC | 190 | 42253 | CB001 | Mai Văn Sỹ | Thanh toán tiền điện thoại | 142 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 6 981 818 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 190 | 42253 | CB001 | Mai Văn Sỹ | Thanh toán tiền điện thoại | 1111 | Tiền Việt Nam | | 6 981 818 | | PCI |
| 01/12 | PC | 190 | 42253 | CB001 | Mai Văn Sỹ | Thanh toán tiền NVL | 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của | 698 182 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 190 | 42253 | CB001 | Mai Văn Sỹ | Thanh toán tiền NVL | 1111 | Tiền Việt Nam | | 698 182 | | PCI |
| 01/12 | PC | 191 | 15265 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền VL/D | 2412 | Xây dựng cơ bản | 7 714 278 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 191 | 15265 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền VL/D | 1111 | Tiền Việt Nam | | 7 714 278 | | PCI |
| 01/12 | PC | 191 | 15265 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền VL/D | 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của | 385 713 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 191 | 15265 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền VL/D | 1111 | Tiền Việt Nam | | 385 713 | | PCI |
| 01/12 | PC | 192 | 2017499 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền nước | 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 581 095 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 192 | 2017499 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền nước | 1111 | Tiền Việt Nam | | 581 095 | | PCI |
| 01/12 | PC | 192 | 2017499 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền nước | 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của | 25 265 | | | PCI |
| 01/12 | PC | 192 | 2017499 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền nước | 1111 | Tiền Việt Nam | | 25 265 | | PCI |
| 01/12 | PKT | 17 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Thuế nhà T10/2009 | 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 1 011 600 | | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 17 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Thuế nhà T10/2009 | 331 | Phải trả cho người bán | | 1 011 600 | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 17 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Thuế nhà T10/2009 | 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của | 101 160 | | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 17 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Thuế nhà T10/2009 | 331 | Phải trả cho người bán | | 101 160 | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 18 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Tiền thuê nhà T11/2009 | 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 1 011 600 | | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 18 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Tiền thuê nhà T11/2009 | 331 | Phải trả cho người bán | | 1 011 600 | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 18 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Tiền thuê nhà T11/2009 | 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 1 011 600 | | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 18 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Tiền thuê nhà T11/2009 | 331 | Phải trả cho người bán | | 1 011 600 | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 18 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Tiền thuê nhà T12/2009 | 331 | Thuế GTGT được khấu trừ của | 202 320 | | | PN1 |
| 01/12 | PKT | 18 | | AP016 | Công ty kinh doanh nhà | Tiền thuê nhà T12/2009 | 331 | Phải trả cho người bán | | 202 320 | | PN1 |
| 02/12 | PC | 193 | 9780 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền sửa chữa máy | 6422 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9 190 000 | | | PCI |
| 02/12 | PC | 193 | 9780 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền sửa chữa máy | 1111 | Tiền Việt Nam | | 9 190 000 | | PCI |
| 02/12 | PC | 193 | 9780 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền sửa chữa máy | 1331 | Thuế GTGT được khấu trừ của | 459 500 | | | PCI |
| 02/12 | PC | 193 | 9780 | CB017 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền sửa chữa máy | 1111 | Tiền Việt Nam | | 459 500 | | PCI |

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc tiến hành đối chiếu số liệu trên các chứng từ gốc đó với sổ nhật ký chung.

VD: Ngày 04/03/2011, HĐ GTGT 0000002, khảo sát, lập thiết kế cơ sở hạng mục san lấp mặt bằng khu phi thuế quan, khu công nghiệp Nam Đình Vũ. (Theo HĐKT số 15 – 2009/HĐ – MĐCIC ngày 20/10/2009)

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT đối chiếu với sổ Nhật ký chung

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 1: Lưu

Mẫu số: 01 GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/11P
 Số: **0000002**

Ngày 04 tháng 03 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải
 Địa chỉ: Số 8 – Lý Nam Đế -P Minh Khai-HB-HP.
 Số tài khoản:

Điện thoại: 0316.252468 MS:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | 8 | 7 | 4 | 7 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty Cổ phần đầu tư Nam Đình Vũ.....
 Địa chỉ: Số 5 Hồ Xuân Hương – Hồng Bàng – Hải phòng.....
 Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MS:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 7 | 6 | 5 | 7 | 8 | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|----------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Khảo sát, lập thiết kế cơ sở hạng mục san lấp mặt bằng khu phi thuế quan, khu công nghiệp Nam Đình Vũ. <Theo HĐKT số 15 – 2009/HĐ – MĐCIC ngày 20/10/2009> | | | | 1.224.874.545 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 1.224.874.545 |
| Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: | | | | | 122.487.455 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 1.347.362.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Một tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn đồng</i> | | | | | |
| Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> | |
| Nguyễn Hoài Hương | | Vũ Thị Hồng Huê | | Mai Văn Sỹ | |

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/03/2011 đến ngày: 31/03/2011

| Chứng từ | | | Diễn giải | Tài khoản | Số phát sinh | |
|--------------|--------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| Ngày | Số | Số HĐ | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh tháng 03 | | | |
| | | | | | | |
| 01/03 | PC 457 | 54039 | Thanh toán tiền in thiệp chúc tết (Mai Văn Sỹ) Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422 | 900 000 | |
| | | 54039 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 900 000 |
| | | 54039 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ | 1331 | 90 000 | |
| | | 54039 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 90 000 |
| | | | | | | |
| 01/03 | PC 461 | | Thanh toán tiền xăng (Nguyễn Bá Khải) | | | |
| | | 19937 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422 | 1 081 818 | |
| | | 19937 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 1 081 818 |
| | | 19937 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ | 1331 | 101 182 | |
| | | 19937 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 101 182 |
| | | | | | | |
| 04/03 | HD 14 | | Doanh thu khảo sát, lập thiết kế cơ sở (Cty CP đầu tư Nam Đình Vũ) | | | |
| | | 00002 | Phải thu khách hàng | 131 | 1 224 874 545 | |
| | | 00002 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5111 | | 1 224 874 545 |
| | | 00002 | Phải thu của khách hàng | 131 | 122 487 455 | |
| | | 00002 | Thuế GTGT phải nộp | 1331 | | 122 487 455 |
| | | | | | | |

Tổng cộng: 6 401 350 810 6 401 350 810

NGƯỜI GHI SỔ
Ký, họ tên

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Ký, họ tên
Vũ Thị Hồng Huệ

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
Ký, họ tên, đóng dấu
Mai Văn Sỹ

(Nguồn: Trích sổ nhật ký chung tháng 03 năm 2011)

2.2.2.2 Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ nhật ký chung với sổ cái các TK có liên quan:

Từ số liệu được nhập ở sổ nhật ký chung, máy tính sẽ tiếp tục tự động thực hiện nhập số liệu vào các sổ cái các TK có liên quan. Định kỳ, kế toán viên tiến hành kiểm tra số liệu giữa sổ nhật ký chung và sổ cái các TK có liên quan nhằm phát hiện sai sót và kịp thời điều chỉnh cho đúng với số thực tế.

VD: Tiếp ví dụ ở bước 1 kế toán đối chiếu sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 511

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/03/2011 đến ngày: 31/03/2011

| Chứng từ | | | Diễn giải | Tài khoản | Số phát sinh | |
|----------|--------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|---------------|
| Ngày | Số | Số HĐ | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh tháng 03 | | | |
| | | | | | | |
| 01/03 | PC 457 | 54039 | Thanh toán tiền in thiệp chúc tết (Mai Văn Sỹ) Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422 | 900 000 | |
| | | 54039 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 900 000 |
| | | 54039 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ | 1331 | 90 000 | |
| | | 54039 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 90 000 |
| | | | | | | |
| 01/03 | PC 461 | | Thanh toán tiền xăng (Nguyễn Bá Khải) | | | |
| | | 19937 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422 | 1 081 818 | |
| | | 19937 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 1 081 818 |
| | | 19937 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ | 1331 | 101 182 | |
| | | 19937 | Tiền Việt Nam | 1111 | | 101 182 |
| | | | | | | |
| 04/03 | HD 14 | | Doanh thu khảo sát, lập thiết kế cơ sở (Cty CP đầu tư Nam Đình Vũ) | | | |
| | | 00002 | Phải thu khách hàng | 131 | 1 224 874 545 | |
| | | 00002 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5111 | | 1 224 874 545 |
| | | 00002 | Phải thu của khách hàng | 131 | 122 487 455 | |
| | | 00002 | Thuế GTGT phải nộp | 1331 | | 122 487 455 |
| | | | | | | |

Tổng cộng: 6 401 350 810 6 401 350 810

NGƯỜI GHI SỔ
Ký, họ tên

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Ký, họ tên
Vũ Thị Hồng Huệ
(Nguồn: Trích sổ nhật ký chung tháng 03 năm 2011.)

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
Ký, họ tên, đóng dấu
Mai Văn Sỹ

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: **0**

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đ/ư | Số phát sinh | |
|----------|--------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------|---------------|---------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 04/03 | HD 14 | Công ty CP đầu tư Nam Đình Vũ - AR002 | Doanh thu khảo sát, lập thiết kế cơ sở | 131 | | 1 224 874 545 |
| 31/03 | PKT 85 | - | Kc Doanh thu – 511, 911 | 911 | 1 224 874 545 | |
| 30/05 | HD 15 | Cty CP đầu tư Nam Đình Vũ – AR002 | Doanh thu khảo sát lập bản đồ địa hình | 131 | | 71 890 909 |
| 31/05 | PKT 86 | - | Kc Doanh thu – 511, 911 | 911 | 71 890 909 | |
| 30/12 | HD 16 | Nhà khách thành phố - AR032 | Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thiết kế cải tạo hệ thống đài phun nước | 131 | | 89 731 818 |
| 31/12 | PKT 0 | - | Kc Doanh thu – 511, 911 | 911 | 89 731 818 | |

Tổng phát sinh nợ: **1 386 497 272**

Tổng phát sinh có: **1 386 497 272**

Số dư cuối kỳ : **0**

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Hồng Huê

Lập, ngày tháng năm
NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

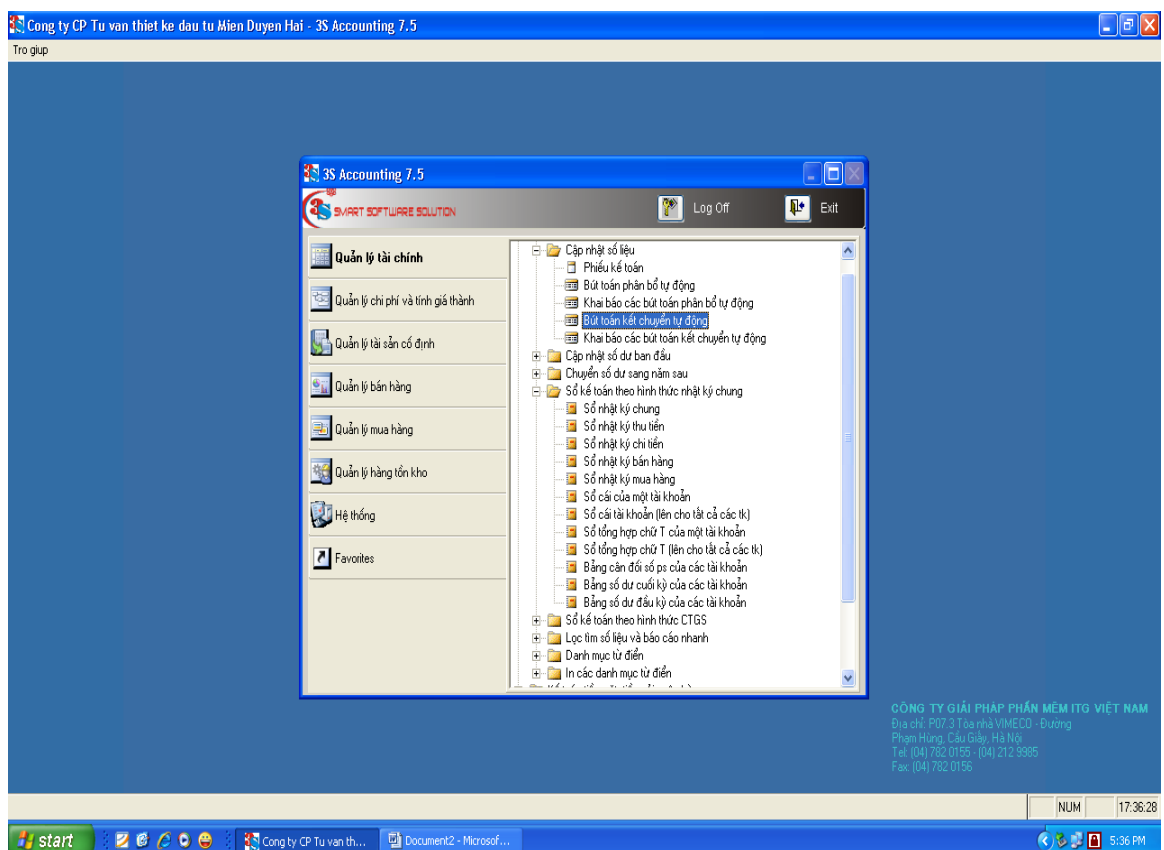
Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

2.2.2.3 Cuối kỳ, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và tiến hành khóa sổ kế toán:

⇒ Kế toán phải thực hiện bút toán kết chuyển trung gian: Vì các tài khoản trung gian thuộc nhóm 5,6,7,8,9 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ mà chỉ có số phát sinh trong kỳ nên kế toán tiến hành kết chuyển hết số phát sinh của các tài khoản này trước khi khóa sổ kế toán.

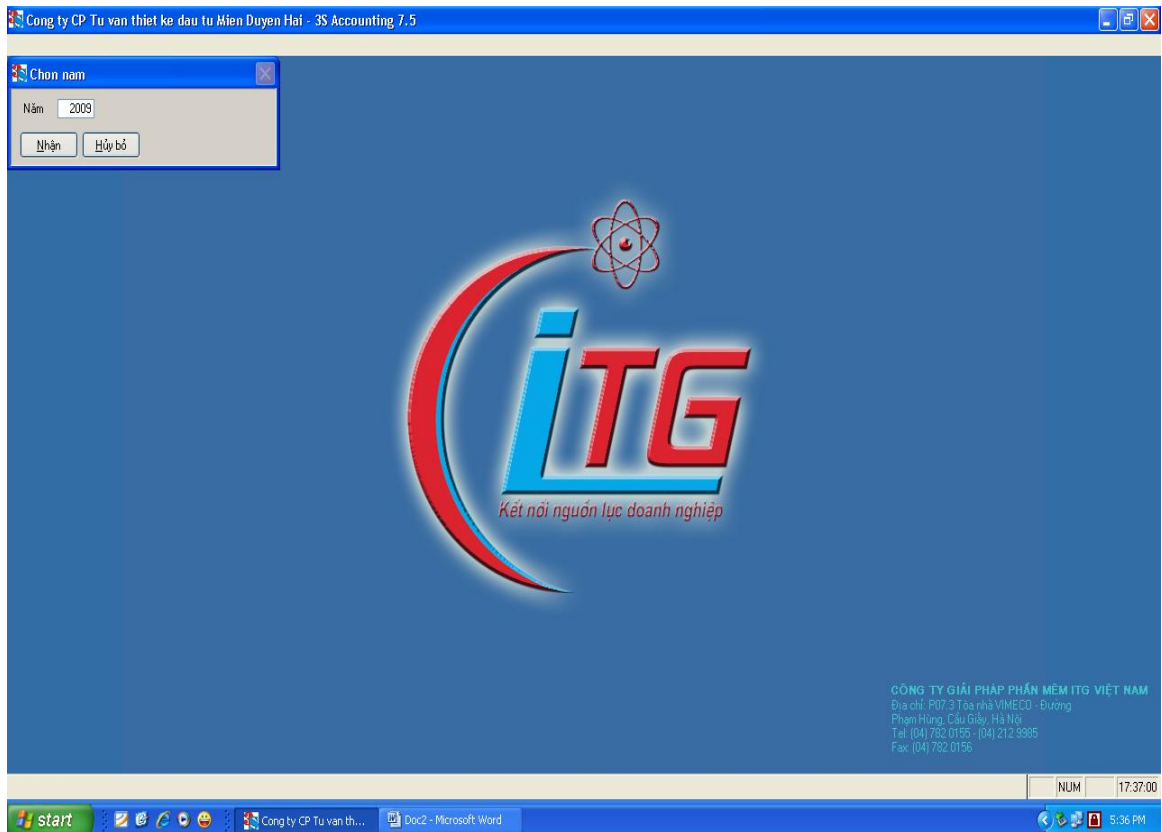
Thao tác trên phần mềm kế toán:

- Chọn mục “quản lý tài chính”, “cập nhật số liệu”, “bút toán kết chuyển tự động”:



Màn hình xuất hiện:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải



Sau đó, người dùng chọn năm cần kết chuyển là năm 2011, rồi ấn “nhận” phần mềm sẽ tự động kết chuyển các tài khoản của năm 2011.

☞ Thực hiện khóa sổ kế toán tạm thời:

Sau khi thực hiện kiểm soát các nghiệp vụ ghi sổ kế toán là có thực, được phản ánh đầy đủ, chính xác và kết thúc bút toán kết chuyển trung gian. Bút toán thực hiện khóa sổ kế toán tạm thời để xác định số phát sinh, số dư nợ, có của mỗi tài khoản được phản ánh trên sổ kế toán.

☞ Tiến hành kiểm kê tài sản:

Để biết đúng thực trạng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh như thế nào, một việc không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức lập báo cáo tài chính nói riêng là kiểm kê tài sản và lập biên bản xử lý kiểm kê.

Mục đích của công tác kiểm kê nhằm đối chiếu thực trạng tình hình tài sản

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

hiện có của Công ty với số liệu trên sổ sách kế toán nhằm phát hiện những sai sót, tìm ra nguyên nhân để xử lý.

Tại Công ty CP tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải việc kiểm kê được thực hiện vào cuối năm. Kết thúc quá trình kiểm kê, thanh tra viên lập biên bản kiểm kê gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào biên bản kiểm kê, kế toán xử lý kiểm kê như sau:

- Trường hợp phát hiện thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê quyết định hạch toán vào kỳ báo cáo sau thì chấp nhận kết quả khoá sổ tạm thời và bảng cân đối phát sinh tạm thời.

- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê quyết định hạch toán thừa, thiếu tài sản và kỳ báo cáo, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh lại bút toán.

Vào cuối năm 2011, khi kiểm kê tình hình tài sản trong năm, thanh tra viên xác định là không có tài sản thừa, thiếu khi kiểm kê.

☞ Khóa sổ kế toán chính thức và lập bảng cân đối số phát sinh:

Sau khi hoàn tất thao tác kết chuyển các tài khoản, kiểm kê tài sản kế toán cần tiến hành thao tác khóa sổ kế toán :

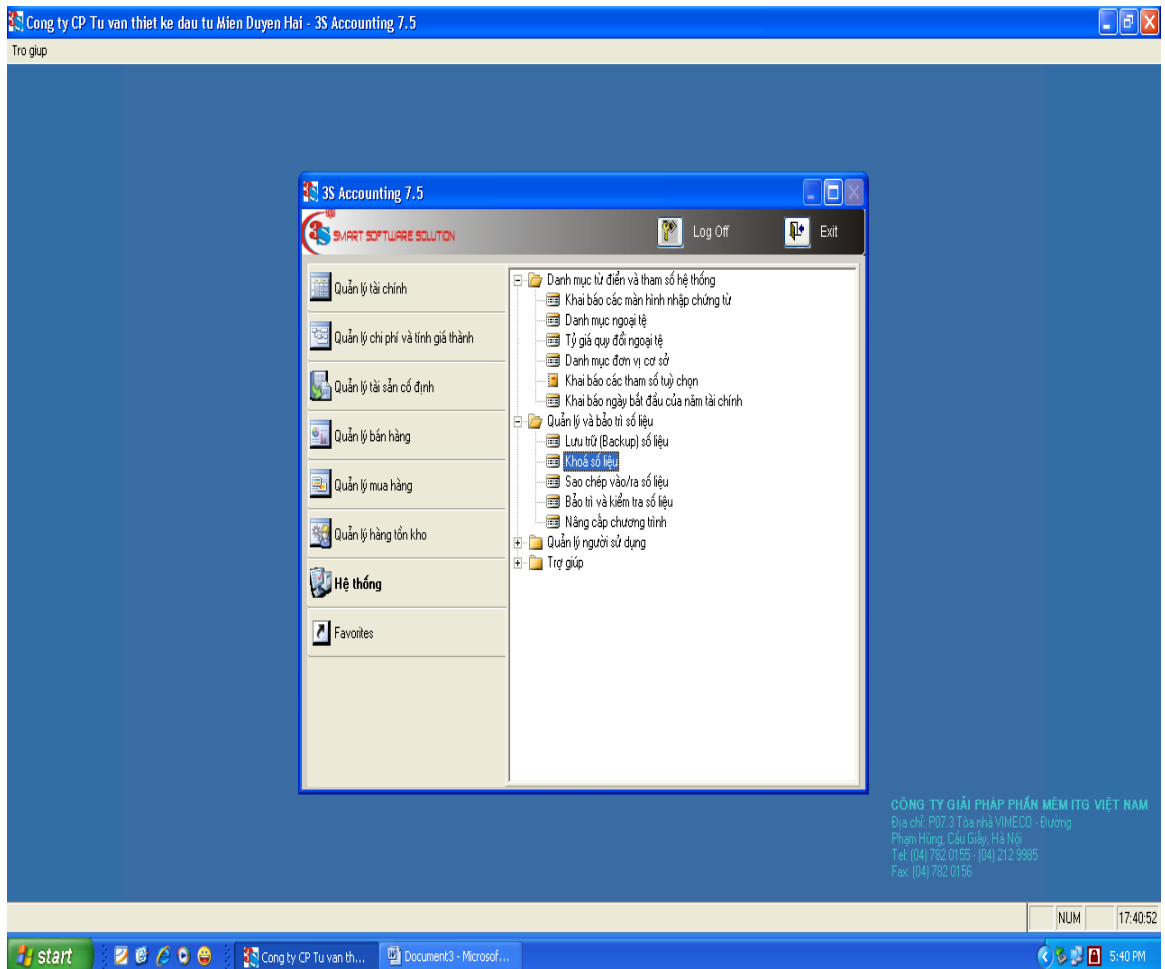
Bước này chỉ được thực hiện trong trường hợp thừa, thiếu tài sản mà biên bản xử lý kiểm kê tài sản ghi rõ hạch toán thừa, thiếu tài sản vào kỳ báo cáo.

Do không có sự chênh lệch giữa kết quả kiểm kê với số liệu kế toán trong năm 2011 nên kết quả việc khóa sổ lần thứ nhất là hoàn toàn chính xác. Căn cứ vào kết quả đó kế toán tiến hành lập Bảng Cân đối tài khoản và dùng làm căn cứ lập Báo Cáo Tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng

Thao tác trên phần mềm kế toán:

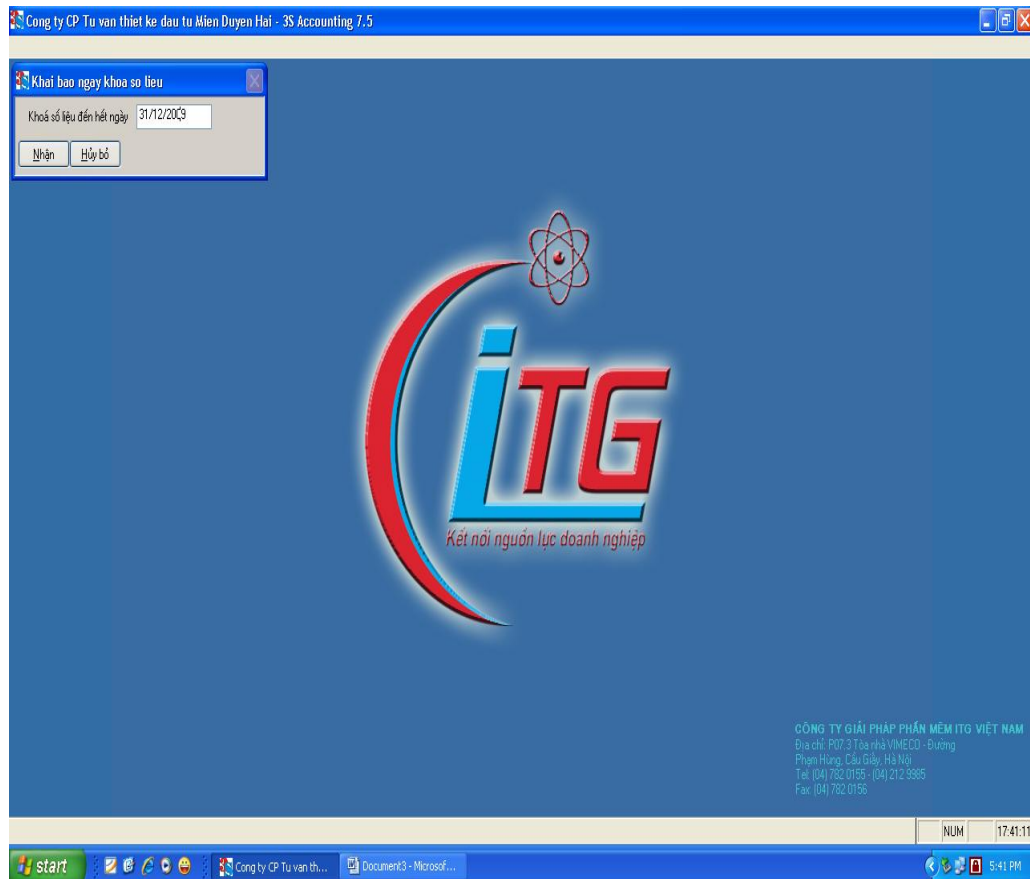
Chọn mục “hệ thống”, “quản lý và bảo trì số liệu”, “khóa sổ liệu”:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải



Màn hình xuất hiện:

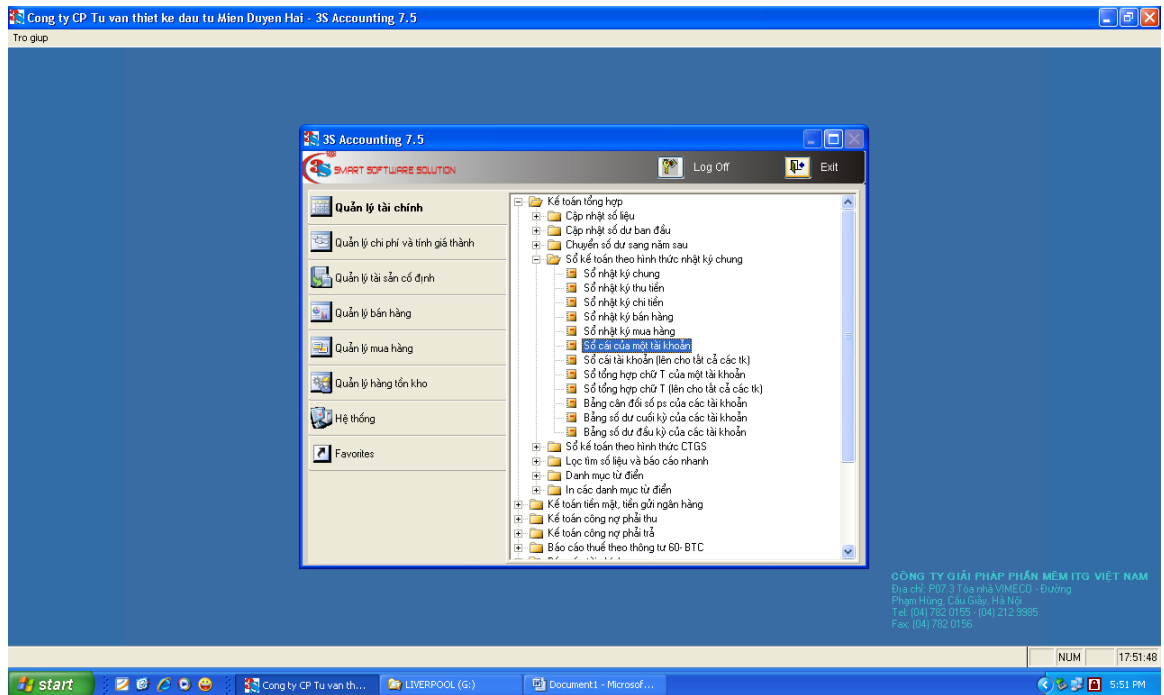
***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tu Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***



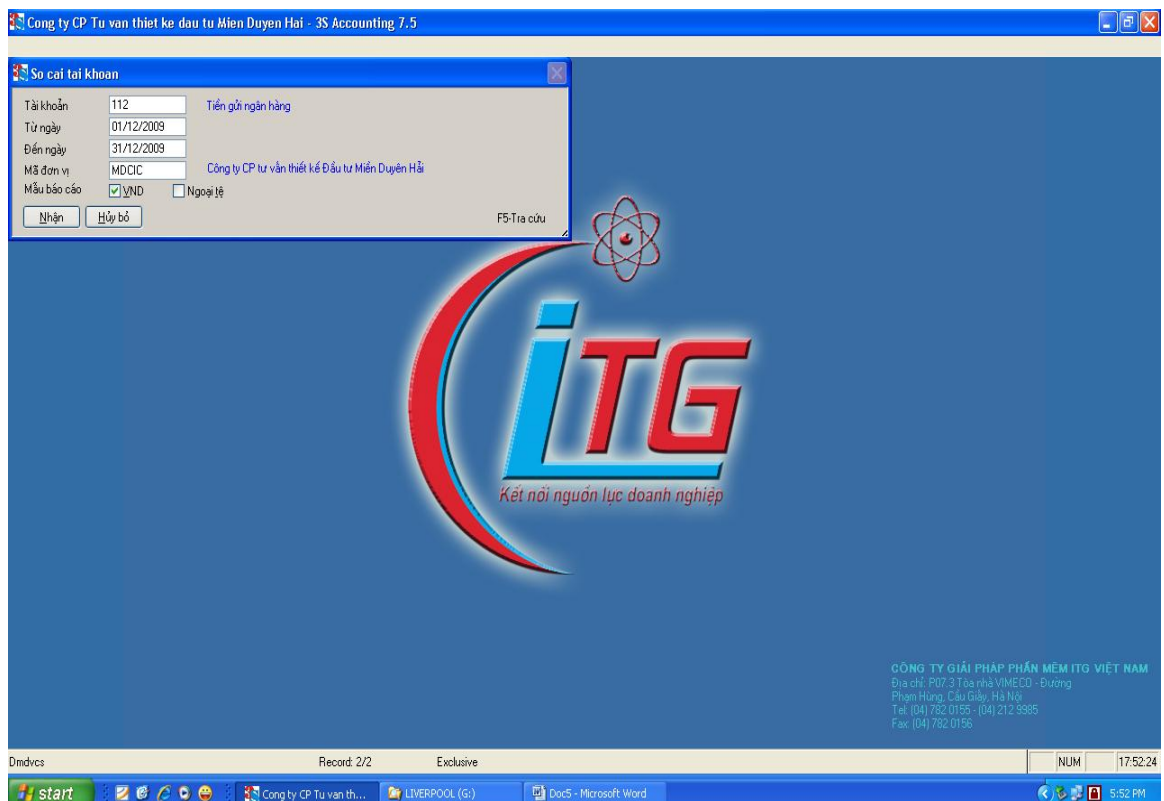
Sau đó, người dùng chọn “khóa số liệu đến hết ngày 31/12/2011”, rồi ấn “nhận”.

Sau khi khóa số kế toán, có thể in ra các sổ cái.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải



Sau đó chọn mục “số cái của một tài khoản”. Màn hình xuất hiện:



Sau khi màn hình hiện lên như trên, người dùng nhập tên tài khoản và ngày tháng rồi ấn “nhận”.

Sau đây, em xin trích dẫn 1 số số cái của 1 số TK tại công ty như sau.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: **0**

| Chứng từ | | | Khách hàng | Diễn giải | TK đ/ư | Số phát sinh | |
|----------|-----|----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------|---------------|---------------|
| Ngày | Số | | | | | Nợ | Có |
| 04/03 | HD | 14 | Công ty CP đầu tư Nam Đình Vũ - AR002 | Doanh thu khảo sát, lập thiết kế cơ sở | 131 | | 1 224 874 545 |
| 31/03 | PKT | 85 | - | KC Doanh thu – 511, 911 | 911 | 1 224 874 545 | |
| 30/05 | HD | 15 | Cty CP đầu tư Nam Đình Vũ – AR002 | Doanh thu khảo sát lập bản đồ địa hình | 131 | | 71 890 909 |
| 31/05 | PKT | 86 | - | Kc Doanh thu – 511, 911 | 911 | 71 890 909 | |
| 30/12 | HD | 16 | Nhà khách thành phố - AR032 | Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thiết kế cải tạo hệ thống đài phun nước | 131 | | 89 731 818 |
| 31/12 | PKT | 0 | - | Kc Doanh thu – 511, 911 | 911 | 89 731 818 | |

Tổng phát sinh nợ: **1 386 497 272**

Tổng phát sinh có: **1 386 497 272**

Số dư cuối kỳ : **0**

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Hồng Huê

Lập, ngày tháng năm

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: 0

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đ/ư | Số phát sinh | |
|----------|--------|---------------------------------|------------------------------|--------|--------------|---------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 25/01 | UN 93 | Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01 | Lãi tiền gửi NH | 1121 | | 281 935 |
| 25/01 | UN 96 | Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03 | Lãi tiền gửi NH | 1123 | | 23 183 |
| 31/01 | PKT 70 | - | KC doanh thu HĐTC - 515,911 | 911 | 305 118 | |
| 25/02 | UN 101 | Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03 | Lãi tiền gửi | 1123 | | 53 231 |
| 25/02 | UN 106 | Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01 | Lãi tiền gửi | 1121 | | 41 745 |
| 28/02 | PKT 76 | - | KC doanh thu HĐTC - 515,911 | 911 | 94 976 | |
| 25/03 | UN 103 | Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03 | Lãi tiền gửi | 1123 | | 22 092 |
| 25/03 | UN 108 | Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01 | Lãi tiền gửi | 1121 | | 76 364 |
| 31/03 | PKT 86 | - | KC doanh thu HĐTC - 515,911 | 911 | 98 456 | |
| | | | | | | |
| 24/12 | UN 137 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 1121 | | 15 262 |
| 24/12 | UN 155 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Lãi tiền gửi | 1123 | | 5 965 |
| 31/12 | PKT 0 | - | KC Doanh thu HĐTC – 515, 911 | 911 | 21 227 | |

Tổng phát sinh nợ: 787 395

Tổng phát sinh có: 787 395

Số dư cuối kỳ : 0

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Hồng Huê

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Trích sổ cái TK 515 năm 2011.).

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: **0**

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đ/ư | Số phát sinh | |
|----------|-------|------------|------------------------------|--------|--------------|-------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 31/03 | PKT83 | - | Kết chuyển chi phí nhân công | 1542 | 108 000 000 | |
| 31/03 | PKT87 | - | KC giá vốn – 911, 632 | 911 | | 108 000 000 |
| 31/05 | PKT84 | - | Kết chuyển chi phí nhân công | 1542 | 72 000 000 | |
| 31/05 | PKT88 | - | KC giá vốn – 911, 632 | 911 | | 72 000 000 |
| 31/12 | PKT85 | - | Kết chuyển chi phí giá vốn | 1542 | 66 000 000 | |
| 31/12 | PKT0 | - | KC giá vốn – 911, 632 | 911 | | 66 000 000 |

Tổng phát sinh nợ: 246 000 000

Tổng phát sinh có: 246 000 000

Số dư cuối kỳ : 0

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Hồng Huệ

Ngày....tháng.....năm.....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: **0**

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đ/ư | Số phát sinh | |
|----------|--------|---------------------------------|-------------------------------------|--------|--------------|-------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 01/01 | PC410 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán tiền VPP | 1111 | 16 876 364 | |
| 04/01 | PC 412 | Trần Thị Lộc – CB017 | Thanh toán tiền truyền hình cáp | 1111 | 59 091 | |
| 04/01 | PC413 | Nguyễn Bá Khải – CB008 | Thanh toán tiền xăng xe | 1111 | 1 081 818 | |
| 05/01 | UNC47 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Phía bảo lãnh NH | 1121 | 1 006 614 | |
| | | | | | | |
| 17/01 | UNC50 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Phí NH | 1121 | 9 091 | |
| 17/01 | UNC51 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Phí NH | 1121 | 9 091 | |
| 19/01 | PC424 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán phí bảo vệ | 1111 | 9 333 600 | |
| 19/01 | PC437 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán tiền thuê mon bài | 1111 | 2 000 000 | |
| 21/01 | PC425 | Trần Thị Lộc – CB017 | Thanh toán tiền VPP | 1111 | 12 433 909 | |
| | | | | | | |
| 28/02 | PKT64 | - | Lương phải trả NV T2/2011 | 334 | 41 000 000 | |
| 28/02 | PKT85 | - | KC Chi phí QLDN – 911, 642 | 911 | | 132 207 704 |
| | | | | | | |
| 28/06 | PC603 | Trần Thị Lộc – CB017 | Thanh toán tiền mua quạt đứng | 1111 | 880 000 | |
| 30/06 | PKT74 | - | Phi trả lương NV T6 | 334 | 42 000 000 | |
| 30/06 | PKT94 | - | KC Chi phí QLDN – 911, 642 | 911 | | 100 837 992 |
| 01/07 | PC 604 | Trần Thị Lộc – CB017 | Thanh toán tiền điện thoại di động | 1111 | 3 500 000 | |
| 04/07 | PC 607 | Nguyễn Bá Khải – CB008 | Thanh toán tiền xăng xe | 1111 | 1 393 636 | |
| 04/07 | Pc 609 | Trần Thị Lộc – CB017 | Thanh toán tiền chi phí tiếp khách | 1111 | 7 530 000 | |
| | | | | | | |
| 15/11 | PC65 | Mai Văn Sỹ - CB001 | Thanh toán tiền phòng đi công tác | 1111 | 1 029 000 | |
| 16/11 | PC 66 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán tiền phần mềm diệt virus | 1111 | 598 000 | |

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

| | | | | | | |
|-------|---------|---------------------------------|-----------------------------------------|------|-----------|--|
| 17/11 | PC 67 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông | 1111 | 300 000 | |
| 17/11 | PC 68 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán tiền cước viễn thông | 1111 | 46 428 | |
| 01/12 | UNC 128 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Phí thẩm định tài sản | 1121 | 300 000 | |
| 02/12 | PC 78 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán tiền cước điện thoại | 1111 | 5 103 554 | |
| 02/12 | PC 79 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán tiền cước điện thoại | 1111 | 68 306 | |
| 01/12 | PC 80 | Nguyễn Bá Khải – CB008 | Thanh toán tiền xăng xe | 1111 | 1 167 273 | |
| 06/12 | PC 82 | Nguyễn Bá Khải | Thanh toán tiền xăng xe | 1111 | 1 361 818 | |
| 08/12 | PC 83 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền cước viễn thông | 1111 | 675 198 | |
| 08/12 | UNC 130 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 1121 | 1 006 614 | |
| 10/12 | PC 84 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền nước | 1111 | 749 800 | |
| 10/12 | PC 85 | Trần Thị Lộc | Thanh toán tiền sửa mạng | 1111 | 608 000 | |
| | | | | | | |

Tổng phát sinh nợ: 1 613 294 051
Tổng phát sinh có: 1 613 294 051
Số dư cuối kỳ : 0

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Hồng Huê

Lập, ngày tháng năm
 NGƯỜI GHI SỔ
 (Ký, họ tên)

(Nguồn: Trích sổ cái TK 642 năm 2011.)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811 - Chi phí khác
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: 0

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đ/ư | Số phát sinh | |
|----------|--------|---------------------------------|---------------------------------|--------|--------------|------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 24/01 | UN 53 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán tiền lãi vay dài hạn | 1121 | 9 764 397 | |
| 30/01 | UN 62 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay | 1123 | 13 804 644 | |
| 30/01 | UN 62 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay | 1123 | 1 358 194 | |
| 31/01 | PKT 72 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 24 927 235 |
| 23/02 | UN 65 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán gốc lãi dài hạn | 1121 | 9 316 581 | |
| 28/02 | UN 63 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay | 1123 | 1 147 917 | |
| 28/02 | UN 63 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay | 1123 | 13 160 522 | |
| 28/02 | PKT 78 | - | Kc Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 23 625 020 |
| 23/03 | UN 71 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán lãi vay | 1121 | 7 983 531 | |
| 31/03 | UN 64 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Trả nợ lãi vay | 1123 | 1 022 569 | |
| 31/03 | UN 64 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Trả nợ lãi vay | 1123 | 13 582 478 | |
| 31/03 | PKT 89 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 22 588 578 |
| | | | | | | |
| 23/05 | UN 82 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán tiền lãi vay NH | 1121 | 7 658 150 | |
| 31/05 | UN 139 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay dài hạn | 1123 | 675 521 | |
| 31/05 | UN 139 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay dài hạn | 1123 | 14 011 181 | |
| 31/05 | PKT 90 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 22 344 852 |
| 23/06 | UN 90 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán lãi vay dài hạn | 1121 | 7 450 678 | |
| 30/06 | UN 140 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán lãi vay dài hạn | 1123 | 427 083 | |
| 30/06 | UN 140 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán lãi vay dài hạn | 1123 | 12 795 417 | |
| 30/06 | PKT 95 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 20 673 178 |
| | | | | | | |

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

| | | | | | | | |
|-------|-----|-------|---------------------------------|---------------------------------|------|------------|------------|
| 23/08 | UN | 104 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán tiền gốc vay dài hạn | 1121 | 7 904 225 | |
| 25/08 | PC | 2 | Trần Thị Lộc – CB009 | Thanh toán in phong bì công ty | 1111 | 450 000 | |
| 31/08 | UN | 143 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay dài hạn | 1123 | 12 162 764 | |
| 31/08 | PKT | Jan 1 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 20 516 989 |
| 23/09 | UN | 114 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán lãi vay NH | 1121 | 7 343 685 | |
| 30/09 | UN | 146 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán lãi vay dài hạn | 1123 | 11 257 917 | |
| 30/09 | PKT | 0 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 18 601 602 |
| 24/10 | UN | 118 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán lãi vay dài hạn | 1121 | 6 285 000 | |
| 31/10 | UN | 147 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán lãi vay dài hạn | 1123 | 11 103 597 | |
| 31/10 | PKT | Jan1 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 17 388 597 |
| 23/11 | UN | 122 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán tiền lãi vay dài hạn | 1121 | 5 975 125 | |
| 30/11 | UN | 148 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán tiền lãi vay dài hạn | 1123 | 10 232 917 | |
| 30/11 | PKT | 105 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 16 208 042 |
| 23/12 | UN | 134 | Ngân hàng TMCP á Châu HP – NH01 | Thanh toán gốc vay dài hạn | 1121 | 5 246 250 | |
| 30/12 | UN | 149 | Ngân hàng TMCP Quân Đội – NH03 | Thanh toán gốc vay dài hạn | 1123 | 9 720 417 | |
| 31/12 | PKT | 0 | - | KC Chi phí khác – 911, 811 | 911 | | 14 966 667 |

Tổng phát sinh nợ: 244 253 358
Tổng phát sinh có: 244 253 358
Số dư cuối kỳ : 0

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

Vũ Thị Hồng Huệ

Ngày....tháng.....năm.....
NGƯỜI GHI SỔ
 (Ký, họ tên)

(Nguồn: Trích sổ cái TK 811 năm 2011.)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: 0

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đ/ư | Số phát sinh | |
|----------|-----------|------------|------------------------------|--------|--------------|---------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 31/01 | PKT 70 | - | KC doanh thu HĐTC - 511, 911 | 515 | | 305 118 |
| 31/01 | PKT 72 | - | KC Chi phí khác - 911, 811 | 811 | 24 927 235 | |
| 31/01 | PKT 83 | - | KC chi phí QLDN - 911, 6422 | 6422 | 322 597 227 | |
| 31/01 | PKT 84 | - | KC lỗ - 911, 4212 | 4212 | | 347 219 344 |
| 28/02 | PKT 76 | - | KC doanh thu HĐTC - 515, 911 | 515 | | 94 976 |
| 28/02 | PKT 78 | - | KC chi phí khác - 911, 811 | 811 | 23 625 020 | |
| 28/02 | PKT 85 | - | KC chi phí QLDN | 6422 | 132 207 704 | |
| 28/02 | PKT 86 | - | KC Lỗ - 4212, 911 | 4212 | | 155 737 748 |
| 31/03 | PKT 85 | - | KC doanh thu - 511, 911 | 511 | | 1 224 874 545 |
| 31/03 | PKT 86 | - | KC Doanh thu HĐTC - 515, 911 | 515 | | 98 456 |
| 31/03 | PKT 87 | - | KC giá vốn - 911, 632 | 632 | 108 000 000 | |
| 31/03 | PKT 88 | - | KC chi phí QLDN - 911, 642 | 642 | 173 937 044 | |
| 31/03 | PKT 89 | - | KC chi phí khác - 911, 811 | 811 | 22 588 578 | |
| 31/03 | PKT 90 | - | KC lãi - 911, 4212 | 4212 | 920 447 379 | |
| 30/04 | PKT 92 | - | KC doanh thu HĐTC - 515, 911 | 515 | | 46 906 |
| 30/04 | PKT 93 | - | KC chi phí QLDN - 911, 6422 | 6422 | 111 035 796 | |
| 30/04 | PKT 94 | - | KC chi phí khác - 911, 811 | 811 | 21 393 300 | |
| 30/04 | PKT 95 | - | KC lỗ - 4212, 911 | 4212 | | 132 382 190 |
| | | | | | | |
| 31/08 | PKT Jan 1 | - | KC doanh thu HĐTC - 515, 911 | 515 | | 49 529 |
| 31/08 | PKT Jan 1 | - | KC chi phí QLDN - 911, 6422 | 6422 | 152 395 618 | |
| 31/08 | PKT Jan 1 | - | KC Chi phí khác - 911, 811 | | 20 516 989 | |
| 31/08 | PKT Jan 1 | - | KC lỗ - 4212, 911 | 4212 | | 172 863 078 |

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

| | | | | | | | |
|-------|-----|-------|---|-----------------------------|------|-------------|-------------|
| | | | | | | | |
| 31/10 | PKT | Jan 1 | - | KC doanh thu HĐTC- 515, 911 | 515 | | 16 043 |
| 31/10 | PKT | Jan 1 | - | KC Chi phí QLDN – 911, 6422 | 6422 | 139 347 458 | |
| 31/10 | PKT | Jan 1 | - | KC chi phí khác - 911, 811 | 811 | 17 388 597 | |
| 31/10 | PKT | Jan 1 | - | KC lỗ - 4212, 911 | 4212 | | 156 720 012 |
| | | | | | | | |
| 31/12 | PKT | 0 | - | KC Doanh thu – 511, 911 | 5111 | | 89 731 818 |
| 31/12 | PKT | 0 | - | KC Doanh HĐTC – 515, 911 | 515 | | 21 227 |
| 31/12 | PKT | 0 | - | KC giá vốn – 911, 632 | 632 | 66 000 000 | |
| 31/12 | PKT | 0 | - | KC Chi phí QLDN- 911, 6422 | 6422 | 70 661 674 | |
| 31/12 | PKT | 0 | - | KC Chi phí khác- 911, 811 | 811 | 14 966 667 | |
| 31/12 | PKT | 0 | - | KC Lỗ - 4212, 911 | 4212 | | 61875296 |

Tổng phát sinh nợ: 3 023 994 788
Tổng phát sinh có: 3 023 994 788
Số dư cuối kỳ : 0

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

Vũ Thị Hồng Huệ

Lập, ngày tháng năm
 NGƯỜI GHI SỔ
 (Ký, họ tên)

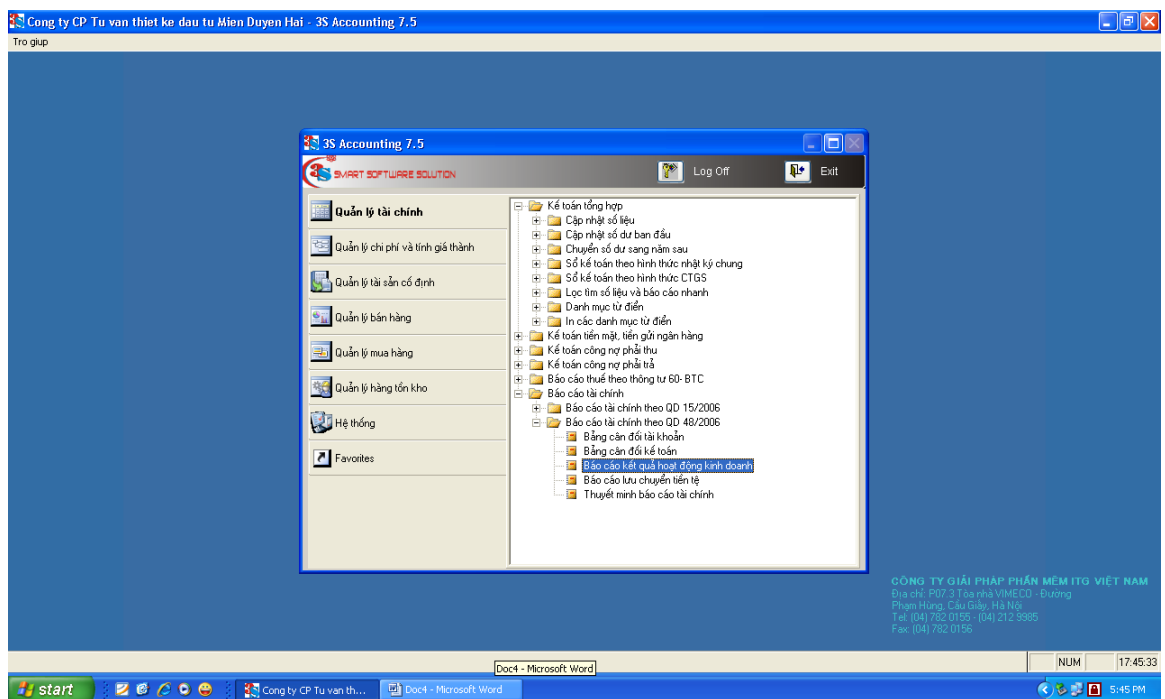
(Nguồn: Trích sổ cái TK 911 năm 2011.)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

2.2.2.4 Lập báo cáo kết quả kinh doanh:

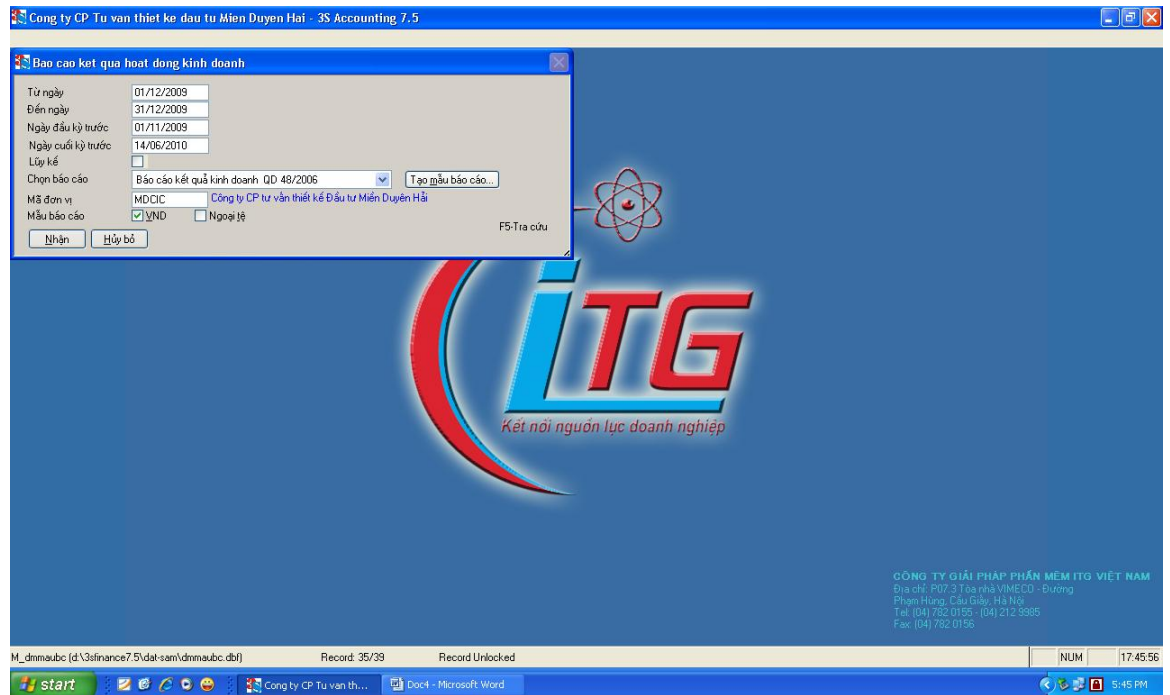
Sau khi thực hiện xong bút toán kết chuyển tự động cho số cái các TK, máy tính sẽ tự động đưa số liệu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Để xem và in báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ta chọn mục “quản lý tài chính”, “báo cáo tài chính”. Màn hình xuất hiện:



Sau đó chọn khoản mục “ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”. Màn hình sẽ xuất hiện

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tu Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải



Người dùng nhập “ngày tháng từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011”, “Chọn báo cáo: “Báo cáo kết quả kinh doanh QĐ48/2006”, “Mã đơn vị: MDCIC”, rồi ấn “nhận”. Màn hình xuất hiện báo cáo kết quả kinh doanh.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết
định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011**

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI

Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | 8 | 7 | 4 | 7 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Địa chỉ trụ sở: Số 8 – Lý Nam Đế - P. Minh Khai – Q. Hồng Bàng – HP.

Quận Huyện: Hồng bàng

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại: 0313.6252469

Fax: 0313.6252468

Email: mienduyenhai69@yahoo.com.vn

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Chỉ tiêu | Mã | Thuyết minh | Số năm nay | Số năm trước |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|----------------------|----------------------|
| A | B | C | (1) | (2) |
| 1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | IV.08 | 1.386.497.272 | 2.322.122.244 |
| 2.Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02) | 10 | | 1.386.497.272 | 2.322.122.244 |
| 4.Giá vốn hàng bán | 11 | | 246.000.000 | 511.804.970 |
| 5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11) | 20 | | 1.140.497.272 | 1.810.317.274 |
| 6.Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 787.395 | 918.647 |
| 7.Chi phí tài chính | 22 | | | 11.892.622 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | | |
| 8.Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | | 1.613.294.051 | 1.401.436.393 |
| 9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24) | 30 | | (472.009.384) | 397.906.906 |
| 10.Thu nhập khác | 31 | | | 642.478.080 |
| 11.Chi phí khác | 32 | | 244.253.358 | 600.609.864 |
| 12.Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32) | 40 | | (244.253.358) | 41.868.226 |
| 13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | IV.09 | (716.262.742) | 439.775.132 |
| 14.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 51 | | | 109.943.783 |
| 15.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51) | 60 | | (716.262.742) | 329.831.349 |

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Vũ Thị Hồng Huê

Vũ Thị Hồng Huê

Mai Văn Sỹ

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Vn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Cơ sở số liệu để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đ- ợc lập tại năm 2010 và hệ thống sổ kế toán của năm đó.

Số liệu ghi vào cột “Năm trước” của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011 được căn cứ vào số liệu ghi ở cột “Năm nay” của từng chỉ tiêu t- ong ứng của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty CP Tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải đ- ợc xác định nh- sau :

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có của tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **1.386.497.272 đồng.**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu năm 2011 đã trừ các khoản giảm trừ, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các khoản giảm trừ không có.

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **1.386.497.272 đồng.**

Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn của hàng hóa đã bán, chi phí trực tiếp của dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm 2011.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” trong kỳ báo cáo.

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **246.000.000 đồng.**

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng tháng phát sinh trong năm 2011.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị: **1.140.497.272 đồng.**

Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh Nợ của Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính “ trong năm 2011.

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **787.395 đồng.**

Chi phí quản lý kinh doanh (Mã số 24)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2011.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng phát sinh Có của tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” .

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị: **1.613.294.051 đồng.**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2011.

Mã số 30= Mã số 20 + Mã số 21 – (Mã số 23+Mã số 24+Mã số 25)

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị: **(472.009.384) đồng.**

Chi phí khác (Mã số 32)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **244.253.358 đồng.**

Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Mã số 40 = Mã số 31 – Mã số 32

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **(244.253.358) đồng.**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thực hiện trong năm 2011 của doanh nghiệp trước khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong năm 2011.

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **(716.262.742) đồng.**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2011. Năm 2011, Công ty CP tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải làm ăn thua lỗ nên không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà nước.

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - \text{Mã số 51}$$

Năm 2011, chỉ tiêu này có giá trị là: **(716.262.742) đồng.**

2.2.2.5 Kiểm tra, ký duyệt:

Sau khi lập xong BCKQKD, người lập biểu in ra, kế toán trưởng sẽ tiến hành kiểm tra lần cuối trước khi trình lên Giám đốc. Sau khi kiểm tra kế toán trưởng ký duyệt và trình Giám đốc ký.

2.3 Thực trạng tổ chức phân tích tài chính của công ty MDCIC thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một trong những căn cứ quan trọng để ban lãnh đạo công ty có thể đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, hiện nay công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải chưa thực hiện tổ chức phân tích báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Do vậy, để đảm bảo hoạt động kinh doanh trong tương lai được tốt hơn công ty cần thiết phải có quy trình phân tích báo cáo tài chính cụ thể, trước hết là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Đánh giá thực trạng tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công MDCIC.

2.4.1 Kết quả đạt được

2.4.1.1 Về tổ chức công tác kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty hiện nay được tổ chức theo mô hình tập trung. Mọi nhân viên trong phòng kế toán đều chịu sự chỉ đạo thống nhất, tập trung của kế toán trưởng. Mỗi kế toán viên được phân công phụ trách từng phần hành kế toán cụ thể đảm bảo nguyên tắc phân công đúng người, đúng việc, phát huy được trình độ, năng lực của mỗi người.

Công ty luôn cập nhật các chuẩn mực, chế độ kế toán mới. Cụ thể khi có sự thay đổi về chế độ, chuẩn mực kế toán công ty luôn cử cán bộ kế toán đi tập huấn, đảm bảo cho công tác kế toán của công ty luôn hoạt động hiệu quả và đúng với chuẩn mực, chế độ kế toán do bộ Tài chính ban hành.

Đồng thời công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động đi học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy tính sáng tạo và tinh thần học tập chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong công ty cũng như các phần hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý.

Hiện nay công ty đã áp dụng phần mềm kế toán 3S Finance 7.5 và trang bị đủ máy vi tính riêng cho nhân viên làm việc giúp cho công tác kế toán của công ty được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, giảm bớt sai sót, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán nói chung và công tác lập báo cáo tài chính nói riêng.

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 48 để thực hiện công tác kế toán là hoàn toàn phù hợp.

2.4.1.2 Về tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh

- Công ty đã lập BCTC nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng theo trình tự sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

- + Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán trên sổ nhật ký chung.
- + Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ nhật ký chung với sổ cái các Tài khoản có liên quan.
- + Cuối kỳ, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và tiến hành khóa sổ kế toán.
- + Lập báo cáo kết quả kinh doanh.
- + Kiểm tra, ký duyệt.
- Mặt khác, việc lập báo cáo kết quả kinh doanh được thực hiện trên phần mềm kế toán nên báo cáo kết quả kinh doanh được lập kịp thời, phản ánh trung thực, hợp lý theo đúng biểu mẫu về báo cáo tài chính của Quyết định 48.

2.4.1 Những mặt còn hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh của công ty còn có hạn chế là cho đến nay công ty vẫn chưa tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung cũng như phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng.

Công ty không tiến hành lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quý và giữa niên độ. Theo đó việc tiến hành lập Báo cáo tài chính theo năm sẽ không đáp ứng được kịp thời thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp để họ kịp thời điều hành và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy việc điều hành sẽ thiếu cơ sở. Hơn nữa, các công việc sẽ bị dồn vào cuối kỳ nên vẫn có thể xảy ra sai sót.

Doanh nghiệp chỉ lập báo cáo tài chính vào cuối năm. Do vậy chưa thấy được những biến động trong năm để có những điều chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐẦU TƯ MIỀN DUYÊN HẢI.

3.1 Cơ sở và sự cần thiết phải hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải.

Xuất phát từ nhu cầu khách quan hình thành và phát triển của hạch toán kế toán là cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, trong điều kiện kinh tế thị trường ngày càng phát triển hiện nay, thông tin kế toán ngày càng đa dạng và nhu cầu nắm bắt thông tin ngày càng cao. Là sản phẩm quan trọng nhất của hệ thống kế toán, hệ thống BCTC nói chung ngày càng khẳng định vai trò cung cấp thông tin hữu ích, toàn diện nhất của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Trong điều kiện thị trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay, kết quả kinh doanh của Công ty không chỉ là mối quan tâm của ban lãnh đạo trong nội bộ công ty mà còn là mối quan tâm của các đối tượng khác như cơ quan chủ quản, các nhà đầu tư, các tổ chức tín dụng, người lao động trong công ty... Các thông tin về kết quả kinh doanh là cơ sở quan trọng để đưa ra quyết định kinh doanh của các đối tượng liên quan.

Như vậy, nhu cầu thông tin kế toán ngày càng đòi hỏi tính chính xác, kịp thời. Vì thế, việc hoàn thiện công tác lập BCTC là hết sức bức thiết, nhằm nâng cao chất lượng thông tin, đáp ứng yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế. Thực trạng công tác lập BCTC của công ty còn những hạn chế nhất định. Để khắc phục những hạn chế đó và nâng cao chất lượng thông tin trên các BCTC, công ty phải không ngừng hoàn thiện lập và trình bày BCTC

Cơ sở để đưa ra biện pháp hoàn thiện hệ thống BCTC, nâng cao chất lượng lập BCTC tại Công ty xuất phát từ yêu cầu của thông tin kế toán và nhiệm vụ của công tác kế toán. Hạch toán kế toán với nhiệm vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin tài chính, kết quả kinh doanh để làm cơ sở cho việc ra quyết định quản

lý. Muốn vậy, thông tin kế toán phải được cung cấp kịp thời, chính xác, khách quan. Thông tin trong BCTC là thông tin chung nhất về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tất cả những người quan tâm có thể nắm bắt, hiểu được tình hình tài chính mà không cần phải tìm hiểu báo cáo chi tiết của công ty. Cùng một thông tin kế toán thì khía cạnh xem xét, đánh giá là khác nhau tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng thông tin cũng như vai trò quản lý vĩ mô và lĩnh vực hoạt động. Ví dụ như, đối với vai trò xem xét, đánh giá nhu cầu đầu tư, tại phòng kinh doanh cần các thông tin mang tính thường xuyên, cụ thể chứ không phải các thông tin có tính khái quát cao. Trong khi đề ra các kế hoạch kinh doanh trong tương lai, ban giám đốc cần các thông tin mang tính tổng hợp cao thể hiện tình hình hoạt động của Công ty và thông tin đó có thể là thường xuyên hoặc định kỳ đều được. Điều này chỉ có thể được đáp ứng thông qua việc phân tích cụ thể thực trạng tình hình sản xuất của Công ty.

Tóm lại: Vì những lý do trên, việc hoàn thiện công tác lập và phân tích BCTC là thực sự cần thiết để đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán, mang lại tích cực với hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời, việc khắc phục và hoàn thiện hơn nữa công tác này là một việc làm cần thiết nhằm cung cấp thông tin kế toán dễ hiểu, phù hợp, tin cậy, có thể so sánh vì không phải người đọc báo cáo nào cũng hiểu rõ về công tác kế toán.

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty MDCIC.

3.2.1 Xây dựng quy trình phân tích.

Công ty có thể tham khảo quy trình phân tích sau:

Bước 1: Bố trí nhân sự

Công ty MDCIC là công ty có quy mô vừa và nhỏ nên hiện tại chỉ cần 1 cán bộ thực hiện việc phân tích. Theo em, kế toán trưởng là người thực hiện phân tích là phù hợp vì kế toán trưởng là người có trình độ cao nhất trong phòng kế toán, có kinh nghiệm nhiều năm và là người chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính

nên hơn ai hết kế toán trưởng là người nắm rõ về các thông tin trên báo cáo tài chính nhất.

Bước 2: Thu thập thông tin

Sưu tầm những tài liệu phục vụ cho tổ chức phân tích như:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm trước: 2009, 2010.
- Các tài liệu khác như: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, định hướng phát triển trong những năm tới...
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của những doanh nghiệp cùng ngành...

Bước 3: Lựa chọn phương pháp phân tích

Công ty có thể sử dụng 2 phương pháp:

- Phương pháp so sánh.
- Phương pháp tỷ số.

Bước 4: Lựa chọn nội dung phân tích

Công ty có thể phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo các nội dung sau:

- Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.
- Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng.

Bước 5: Tiến hành phân tích

- Xử lý tài liệu sưu tầm được, lập các bảng phân tích số liệu, tính toán các chỉ tiêu, so sánh các chỉ tiêu đó qua các năm, đánh giá ảnh hưởng của các chỉ tiêu đó.
- Tiến hành phân tích: trên cơ sở các phương pháp phân tích đã lựa chọn ở bước trên, tiến hành phân tích theo nội dung đã dự kiến.
- Tổng hợp kết quả và rút ra kết luận: sau khi phân tích, tiến hành lập các bảng đánh giá tổng hợp, đánh giá chi tiết...

Trên cơ sở tổng hợp những kết quả đã phân tích cần rút ra những nhận xét, đánh giá, những thành tích đạt được, những tồn tại cần khắc phục trong hoạt động tài chính.

Bước 6: Báo cáo kết quả phân tích

Báo cáo kết quả phân tích được trình bày, thuyết minh cho ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban chức năng trong Công ty để cùng trao đổi, thống nhất ý kiến trong báo cáo phân tích đó.

3.1.2 Thực hiện các nội dung phân tích.

- ❖ ***Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011***

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

BẢNG PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng.

| Chỉ tiêu | Năm nay (Năm 2011) | Năm trước (Năm 2010) | Chênh lệch | |
|--------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------|-----------|
| | | | Số tuyệt đối | % |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1. Doanh thu bán hàng & CCDV | 1.386.497.272 | 2.322.122.244 | - 935.624.972 | - 40,29 |
| 2. Các khoản giảm từ doanh thu | | | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về BH & CCDV | 1.386.497.272 | 2.322.122.244 | - 935.624.972 | - 40,29 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 246.000.000 | 511.804.970 | - 265.804.970 | - 51,93 |
| 5. Lợi nhuận gộp về BH & CCDV | 1.140.497.272 | 1.810.317.274 | - 669.820.002 | - 37,00 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 787.395 | 918.647 | - 131.252 | - 14,29 |
| 7. Chi phí tài chính | | 11.892.622 | - 11.892.622 | - 100,00 |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | 1.613.294.051 | 1.401.436.393 | 211.867.658 | 15, 12 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (472.009.384) | 397.906.906 | - 869.916.290 | - 218,62 |
| 10. Thu nhập khác | | 642.478.080 | - 642.478.080 | - 100,00 |
| 11. Chi phí khác | 244.253.358 | 600.609.864 | - 356.356.506 | - 59,33 |
| 12. Lợi nhuận khác | (244.253.358) | 41.868.226 | - 286.121.584 | - 683, 39 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (716.262.742) | 439.775.132 | - 1.156.037.874 | - 262,87 |
| 14. Chi phí thuế TNDN | | 109.943.783 | - 109.943.783 | - 100,00 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN | (716.262.742) | 329.831.349 | - 1.046.094.091 | - 317,16 |

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Bảng phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải cho ta thấy Doanh thu năm 2011 so với năm 2010 giảm từ 2.322.122.244 đồng xuống 1.386.497.272 đồng tức giảm 935.624.972 đồng tương ứng giảm 40,29%. Nguyên nhân làm cho doanh thu của công ty giảm là do nhu cầu khảo sát, xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, cơ sở hạ tầng, thiết kế, lập dự án đầu tư xây dựng công trình... giảm mạnh. Mặc dù doanh thu của doanh nghiệp giảm nhưng tốc độ giảm này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, vì vậy doanh nghiệp cần kết hợp các yếu tố khách quan và có những biện pháp chủ động trong công tác mở rộng thị trường.

Giá vốn hàng bán từ 511.804.970 đồng giảm xuống 246.000.000 đồng tức giảm 265.804.970 đồng tương ứng giảm 51,93%. Xét tỷ số giữa tốc độ tăng giá vốn với tốc độ tăng doanh thu ta có $- 51,93\% / - 40,29\% = 1,29$. Có nghĩa là khi doanh thu giảm xuống 1 đồng thì giá vốn giảm 1,29 đồng. Vì vậy, doanh nghiệp cần tiếp tục tiến hành các biện pháp nhằm giảm giá vốn hơn nữa, xong vẫn đảm bảo doanh thu tăng cao hơn.

Do doanh thu của công ty giảm lớn hơn mức giảm của giá vốn làm cho lợi nhuận của công ty năm 2011 so với năm 2010 cũng giảm theo, giảm từ 1.810.317.274 đồng xuống 1.140.497.272 đồng tức giảm 669.820.002 đồng tương ứng giảm 37,00%. Nguyên nhân là do doanh nghiệp chưa tập trung tập trung đổi mới, chưa tập trung nâng cao trình độ quản lý của công ty, công ty quản lý chưa chặt chẽ.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2011 so với năm 2010 giảm từ 918.647 đồng xuống 787.395 đồng tức giảm 131.252 đồng tương ứng giảm 14,29%. Và chi phí tài chính năm 2011 so với năm 2010 giảm từ 0 đồng xuống 11.892.622 đồng tức giảm 11.892.622 đồng tương ứng giảm 100%. Bên cạnh đó chi phí quản lý kinh doanh năm 2011 so với năm 2010 lại tăng từ 1.401.436.393 đồng lên 1.613.294.051 đồng tức tăng 211.867.658 đồng tương ứng tăng 15,12%. Điều này là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do nền kinh tế thị trường đang xuất hiện lạm phát làm cho giá cả thị trường có mức tăng đột biến, cụ

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

thể làm cho chi phí quản lý quản lý doanh nghiệp tăng lên đáng kể. Do đó, ban lãnh đạo cần phối hợp với toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty cần đưa ra các biện pháp cần thiết để giảm chi phí, góp phần làm tăng lợi nhuận.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2011 so với năm 2010 giảm 869.916.290 đồng tương ứng giảm 218.62%. Nguyên nhân là do năm 2010 công ty có nhiều hợp đồng, nhiều dự án lớn hàng tỷ đồng nên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2010 cao hơn so với năm 2011. Trong khi đó, do công ty mới đi vào hoạt động chưa lâu, cộng thêm lạm phát tăng cao năm 2011 và nhiều biến động bất ổn về tài chính toàn cầu và trong nước, do công ty chưa biết quản lý chặt chẽ, còn lãng phí điện nước... làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty năm 2011 lại lớn hơn năm 2010. Lại thêm doanh thu thuần năm 2011 thấp hơn chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2011 dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2011 bị âm và thấp hơn rất nhiều so với năm 2010.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2011 so với năm 2010 giảm 1.156.037.874 đồng tương ứng giảm 262,87%. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2011 so với năm 2010 giảm 1.046.094.091 đồng tương ứng giảm 317,87%.

Nhìn vào số liệu phân tích trên, ta thấy tổng lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty năm 2011 so với năm 2010 giảm khá mạnh. Thậm chí năm 2011 doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nhiều. Nguyên nhân chủ yếu là do, công ty chưa quản lý tốt công tác quản lý kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Lạm phát tăng cao. Công ty cần có các biện pháp nâng cao khả năng kiểm soát các khoản chi phí của mình để đạt hiệu quả hoạt động tốt hơn trong những năm tiếp theo.

BẢNG PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MDCIC

(Trong 3 năm 2009, 2010, 2011)

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | So với D.thu thuần (%) | | | 2010-2009 | | 2011-2010 | |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------------------|--------------|---------------|----------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| | | | | 2009 | 2010 | 2011 | Số tiền | Tỉ lệ (%) | Số tiền | Tỉ lệ (%) |
| 1. Doanh thu từ BH& CCDV | 1,227,133,703 | 2,322,122,244 | 1,386,497,272 | 100 | 100 | 100 | 1,094,988,541 | 89.23 | - 935,624,972 | - 40.29 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 | |
| 3. Doanh thu thuần từ BH& CCDV | 1,227,133,703 | 2,322,122,244 | 1,386,497,272 | 100 | 100 | 100 | 1,094,988,541 | 89.23 | - 935,624,972 | - 40.29 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 442,092,854 | 511,804,970 | 246,000,000 | 36.03 | 22.04 | 17.74 | 69,712,116 | 15.77 | -265,804,970 | -51.93 |
| 5. Lợi nhuận gộp | 785,040,849 | 1,810,317,274 | 1,140,497,272 | 63.97 | 77.96 | 82.26 | 1,025,276,425 | 130.6 | -669,820,002 | -37.00 |
| 6. Doanh thu hoạt động TC | 466,663 | 918,647 | 787,395 | 0.04 | 0.04 | 0.06 | 451,984 | 96.85 | -131,252 | -14.29 |
| 7. Chi phí tài chính | 12,000 | 11,892,622 | 0 | 0.00 | 0.51 | 0.00 | 11,880,622 | 99005.18 | -11,892,622 | -100.00 |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | 740,722,857 | 1,401,436,393 | 1,613,294,051 | 60.36 | 60.35 | 116.36 | 660,713,536 | 89.2 | 211,857,658 | 15.12 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 44,772,655 | 397,906,906 | -472,009,384 | 3.65 | 17.14 | -34.04 | 353,134,251 | 778.73 | -869,916,290 | -218.62 |
| 10. Thu nhập khác | 272,850,078 | 642,478,080 | 0 | 22.23 | 27.67 | 0.00 | 369,628,002 | 135.47 | -642,478,080 | -100.00 |
| 11. Chi phí khác | 283,852,191 | 600,609,864 | 244,253,358 | 23.13 | 25.86 | 17.62 | 316,757,673 | 111.59 | -356,356,496 | -59.33 |
| 12. Lợi nhuận khác | -11,002,113 | 41,868,226 | -244,253,358 | -0.9 | 1.80 | 17.62 | 52,870,339 | -480.55 | -286,121,584 | -683.39 |
| 13. Tổng lợi nhuận trước thuế | 33,770,542 | 439,775,132 | -716,262,742 | 2.75 | 18.94 | -51.66 | 406,004,590 | 1202.24 | -1,156,037,874 | -262.87 |
| 14. Chi phí thuế TNDN | 8,442,636 | 109,943,783 | 0 | 0.69 | 4.73 | 0.00 | 101,501,147 | 1202.24 | -109,943,783 | -100.00 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 25,327,906 | 329,831,349 | -716,262,742 | 2.06 | 14.2 | -51.66 | 304,503,443 | 1202.24 | -1,046,094,091 | -317.16 |

(Trích nguồn Báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm 2009, 2010, 2011)

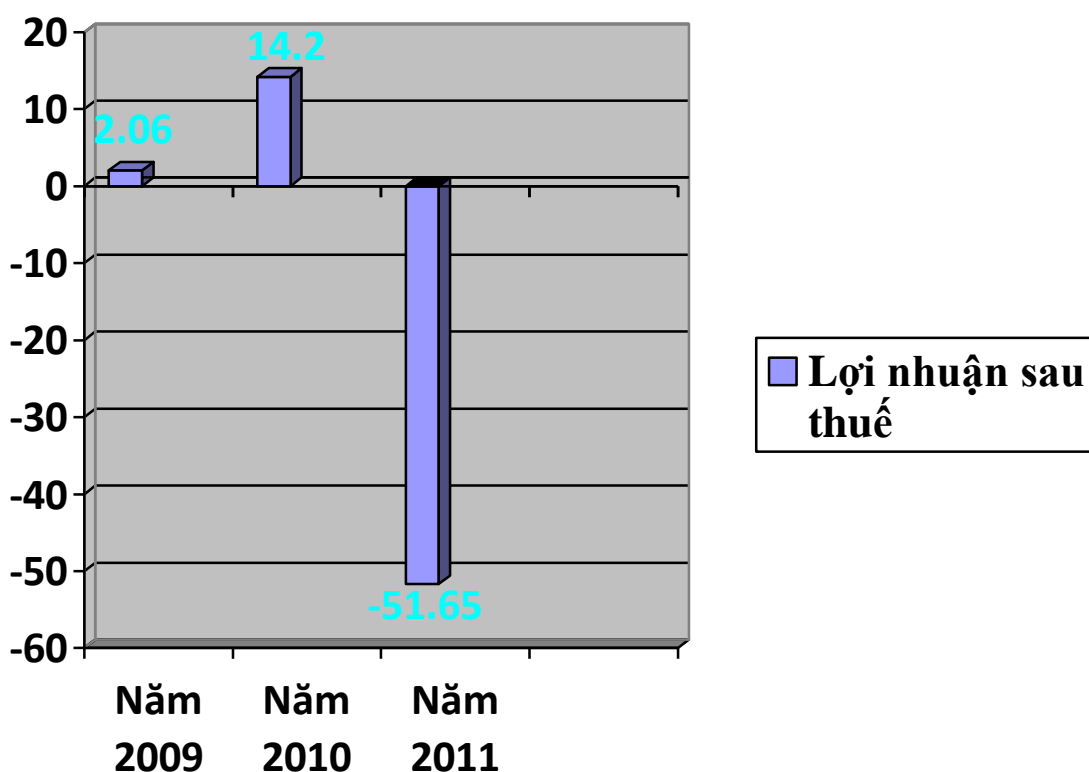
**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế

| Chỉ tiêu | So với Doanh thu thuần (%) | | | Năm 2010 so với năm 2009 | | Năm 2011 so với năm 2010 | |
|--------------------|----------------------------|-------------|---------------|--------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
| | 2009 | 2010 | 2011 | Số tiền | % | Số tiền | % |
| Doanh thu thuần | 100 | 100 | 100 | 1.094.988.541 | 89,23 | -935.624.972 | -40,29 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2,06 | 14,2 | -51,65 | 304.503.443 | 1202,24 | -1.046.094.091 | -317,16 |

Qua bảng tính trên ta thấy mức biến động lợi nhuận sau thuế của công ty 2010 so với năm 2009 tăng lên 304.503.443 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 1202,24% . Nhưng đến năm 2011 lợi nhuận sau thuế lại giảm một cách đột biến. Cụ thể lợi nhuận sau thuế của năm 2011 so với năm 2010 giảm tới 1.046.094.091 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 317,16%. Dưới đây là biểu đồ về tốc độ tăng, giảm của lợi nhuận sau thuế.

Tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế



***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

Qua biểu đồ trên ta thấy tốc độ tăng của lợi nhuận so với doanh thu năm 2010 so với năm 2009 tăng, cụ thể năm 2009 cứ 100 đồng doanh thu thì thu được 2,06 đồng lợi nhuận sau thuế và đến năm 2010 thì cứ 100 đồng doanh thu lại thu về 14,2 đồng xong đến năm 2011 thì lợi nhuận lại giảm đột biến, 100 đồng doanh thu không thu được một đồng lợi nhuận nào chứng tỏ năm 2011 công ty làm ăn thua lỗ. Điều này cho thấy, năm 2011 công ty hoạt động không hiệu quả so với hai năm trước đó là năm 2009 và 2010.

Các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế (LNST) của công ty năm 2011.

| | |
|----------------------------------------------|----------------------------------|
| - Giá vốn hàng bán giảm, làm LNST tăng | 265.804.970 đồng |
| - Chi phí tài chính giảm, làm LNST tăng | 11.892.622 đồng |
| - Chi phí khác giảm, làm LNST tăng | 356.356.506 đồng |
| <i>Tổng các nhân tố làm tăng LNST</i> | <i>= 634.054.098 đồng</i> |

Các nhân tố làm giảm lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2011.

| | |
|-----------------------------------------------------|------------------------------------|
| - Doanh thu thuần giảm, làm LNST giảm | 935.624.972 đồng |
| - Doanh thu hoạt động tài chính giảm, làm LNST giảm | 131.252 đồng |
| - Chi phí quản lý kinh doanh tăng, làm LNST giảm | 211.867.658 đồng |
| - Thu nhập khác giảm, làm LNST giảm | 642.478.080 đồng |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm | 109.943.783 đồng |
| <i>Tổng các nhân tố làm giảm LNST</i> | <i>= 1.900.045.745 đồng</i> |

Sau khi bù trừ các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế và làm giảm lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2011 so với năm 2010 giảm 1.265.991.647 đồng điều đó cho thấy khả năng tích lũy của doanh nghiệp có chiều hướng đi xuống.

Tổng doanh thu năm 2011 giảm 935.624.972 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 40,29% lý giải cho điều này là trong năm công ty nhận được ít hợp đồng xây dựng có giá trị lớn khiến cho doanh thu giảm nhanh.

Trong 3 năm qua công ty không phát sinh khoản giảm trừ doanh thu do đó khoản mục này không ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của công ty.

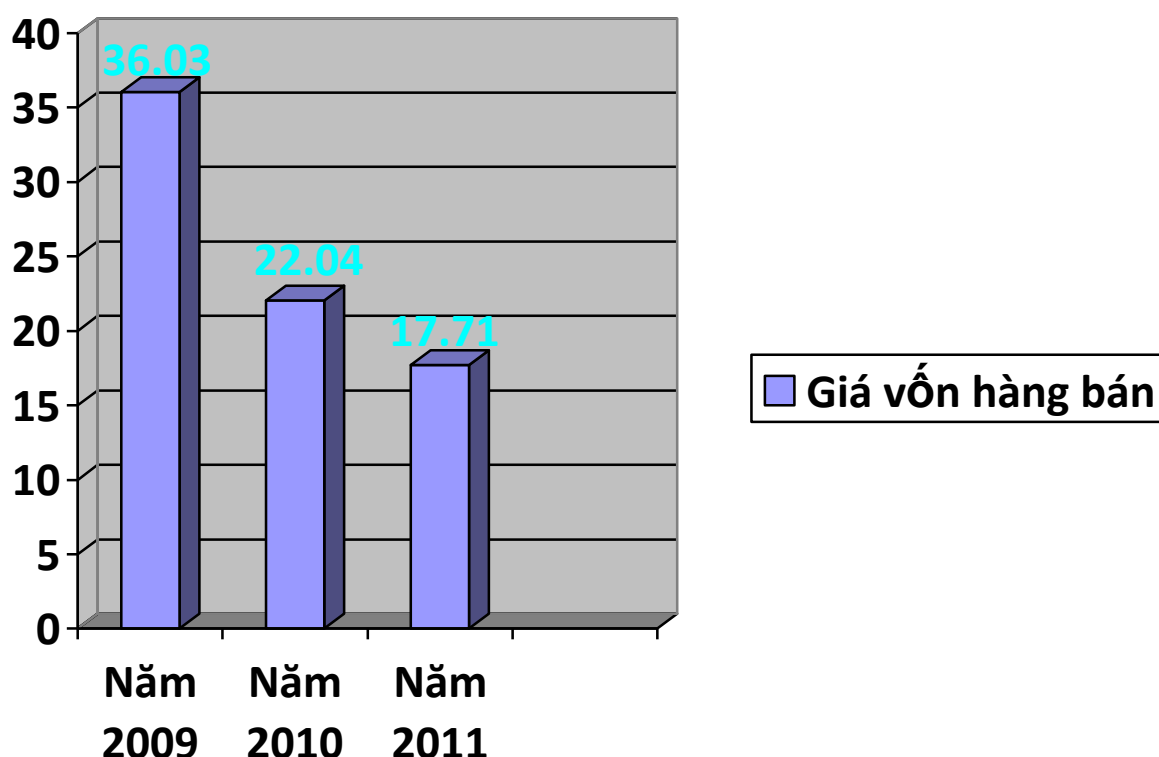
**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

- Ảnh hưởng của giá vốn hàng bán:

Từ số liệu báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua 3 năm 2009, 2010, 2011 ta lập được bảng tình hình giá vốn của công ty trong các năm sau.

| Chỉ tiêu | So với Doanh thu thuần (%) | | | Năm 2010 so với năm 2009 | | Năm 2011 so với năm 2010 | |
|------------------|----------------------------|--------------|--------------|--------------------------|--------------|--------------------------|----------------|
| | 2009 | 2010 | 2011 | Số tiền | % | Số tiền | % |
| Doanh thu thuần | 100 | 100 | 100 | 1,094,988,541 | 89.23 | - 935,624,972 | - 40.29 |
| Giá vốn hàng bán | 36.03 | 22.04 | 17.74 | 69.712.116 | 15.77 | - 265,804,970 | - 51.93 |

Tốc độ tăng của giá vốn hàng bán



Qua bảng phân tích và đồ thị về tốc độ tăng của giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần ta thấy:

Trong 3 năm thì năm 2011, cứ 100 đồng doanh thu thu về công ty chỉ phải bỏ ra 17.74 đồng giá vốn là thấp nhất so với năm 2009 và 2011, điều này tốt cho công ty. Giá vốn hàng bán năm 2010 tăng so với năm 2009 là 69.712.116 đồng tương

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

ứng với tỷ lệ tăng là 15,77% thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu. Ta xét tỷ số giữa tốc độ tăng của giá vốn với tốc độ tăng của doanh thu ta có $15,77\%/89,23\% = 0,177 < 1$ chứng tỏ tốc độ tăng của giá vốn hàng bán đã giảm đi rất đáng kể so với doanh thu.

Năm 2011 so với năm 2010, giá vốn hàng bán giảm 265.804.970 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 51,93% , xét tỷ số giữa tốc độ tăng của giá vốn với tốc độ tăng doanh thu ta có $-51,93\%/-40,29\% = 1,29 > 1$. Tốc độ tăng của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu vì năm 2011 do khủng hoảng kinh tế dẫn đến các khoản chi phí tăng vọt đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu.

Năm 2011 so với năm 2010 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán đều có xu hướng giảm. Mặc dù tốc độ giảm của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu nhưng lợi nhuận gộp vẫn giảm 669.820.002 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 37%.

Trong khi đó, năm 2010 so với năm 2009 lãi gộp tăng cao đột biến 1.025.276.425 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 130,6%.

- ***Ảnh hưởng của chi phí quản lý kinh doanh***

Chi phí quản lý kinh doanh là chi phí khó kiểm tra và rất dễ dẫn đến việc biến thủ, thất thoát và làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh, vậy chi phí quản lý kinh doanh đã hợp lý hay chưa, chỉ tiêu tốc độ phát triển của doanh thu sẽ cho ta thấy cái nhìn cụ thể.

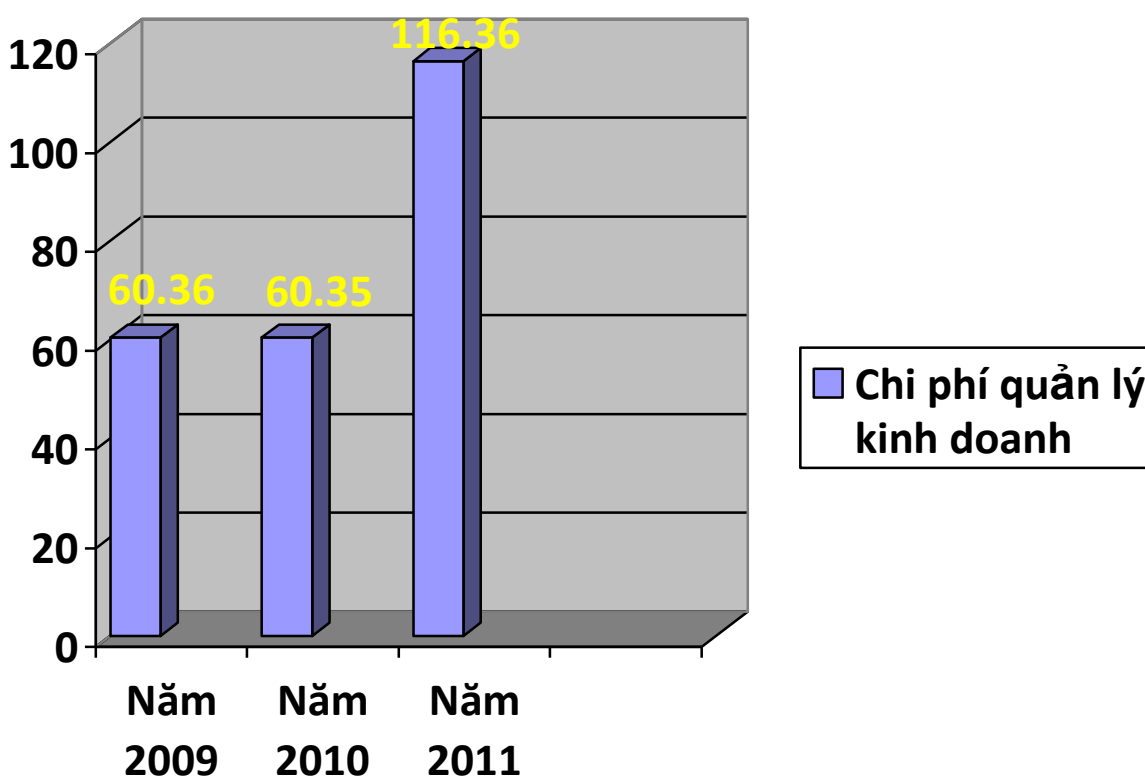
Từ các số liệu báo cáo kết quả kinh doanh của công ty trong 3 năm 2009, 2010, 2011 chúng ta lập được bảng kết quả tổng hợp chi phí quản lý kinh doanh của công ty như sau.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

Khái quát chi phí quản lý kinh doanh của công ty qua 3 năm 2009, 2010, 2011.

| Chỉ tiêu | So với Doanh thu thuần (%) | | | Năm 2010 so với năm 2009 | | Năm 2011 so với năm 2011 | |
|--------------------|----------------------------|--------------|---------------|--------------------------|-------------|--------------------------|--------------|
| | 2009 | 2010 | 2011 | Số tiền | % | Số tiền | % |
| Doanh thu thuần | 100 | 100 | 100 | 1,094,988,541 | 89.23 | - 935,624,972 | - 40.29 |
| Chi phí quản lý KD | 60.36 | 60.35 | 116.36 | 660,713,536 | 82.9 | 211,857,658 | 15.12 |

Tốc độ tăng của chi phí quản lý kinh doanh



Từ bảng tính và đồ thị trên ta thấy: Chi phí quản lý kinh doanh qua 3 đều có sự biến động bất thường. Trong năm 2010 so với năm 2009 tăng 660.713.536 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 89,2%. Tốc độ tăng của chi phí quản lý kinh doanh so với tốc độ của doanh thu giảm đi chút ít. Cứ 100 đồng doanh thu thì chi phí doanh nghiệp bỏ ra là 60,35 đồng giảm so với năm 2009 là 0,01 đồng.

Trong năm 2011 so với năm 2010, chi phí quản lý kinh doanh tăng 211.857.658 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 15,12%. Tốc độ tăng của chi phí quản lý kinh doanh so với doanh thu tăng lên. Cứ tăng 100 đồng doanh thu thì chi

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

phí quản lý kinh doanh là 116,36 đồng tăng so với năm 2010 là 56,01 đồng. Chúng tôi trong năm 2011 doanh nghiệp đã không kiểm soát được chi phí doanh nghiệp một cách hợp lý với tốc độ tăng của doanh thu.

Từ việc phân tích các chỉ số về tốc độ tăng của các yếu tố chi phí so với tốc độ tăng của doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ta thấy:

Doanh thu năm 2011 là thấp nhất và xét về tính hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng là thấp nhất do tốc độ tăng của chi phí là quá cao so với tốc độ tăng của doanh thu thuần.

❖ *Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.*

| Loại hoạt động | Doanh thu | | Chi phí | | Lợi nhuận | |
|------------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|
| | Số tiền | Tỷ lệ | Số tiền | Tỷ lệ | Số tiền | Tỷ lệ |
| 1. Hoạt động SXKD | 1 386 497 272 | 99,94% | 1 859 294 051 | 88,39% | (472 796 779) | (66,00)% |
| 2. Hoạt động tài chính | 787 395 | 0,06% | 0 | 0% | 787 395 | 0,12% |
| 3. Hoạt động khác | 0 | 0% | 244 253 358 | 11,61% | (244 253 358) | (34,1)% |
| Tổng cộng | 1 387 284 667 | 100% | 2 103 547 409 | 100% | (716 262 742) | 100% |

Qua bảng đánh giá kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty ta thấy trong năm 2011 doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty chiếm 99,94% đây là một tỷ lệ rất lớn doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ rất nhỏ 0,06% và hoạt động khác không phát sinh. Bên cạnh đó chi phí hoạt động kinh doanh chiếm 88,39% so với tổng mức chi phí bỏ ra làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lỗ 472.796.779 đồng tương ứng với tỷ lệ 66% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế. Nguyên nhân dẫn đến khoản lỗ lớn này là do trong năm vừa qua công ty đã hoạt động kinh doanh giảm sút, không ký được nhiều hợp đồng có giá trị cao về khảo sát xây dựng, đo vẽ bản đồ các khu công nghiệp như khảo sát đại chất cảng biển khu phi thuế quan khu công nghiệp sạch phía nam Đình Vũ, đo vẽ bản đồ địa chính khu phía nam Đình Vũ... Mặt khác về hoạt động tài chính công ty chỉ thu được

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

một lợi nhuận nhỏ 787.395 đồng chiếm tỷ lệ rất ít 0,06% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế. Công thêm về lợi nhuận từ hoạt động khác của công ty cũng bị lỗ 244.253.358 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 34,1% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế do doanh thu của hoạt động khác trong năm không phát sinh mà chi phí của hoạt động này khá cao. Chính điều này mà công ty cần tìm hiểu và đầu tư vào các hoạt động tài chính và hoạt động khác, để cải thiện tình hình trên, công ty nên:

- Tìm hiểu các thông tin về danh mục các loại hoạt động tài chính trên thị trường.

- Ban lãnh đạo công ty cần phát huy tính năng động trong việc phát triển, mở rộng các hoạt động đầu tư tài chính.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán về hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác ngay từ khâu chứng từ, bảng biểu kế toán, các tài liệu chi tiết liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác của công ty.

- Cuối niên độ kế toán hoặc khi kết thúc từng hoạt động đầu tư cần tiến hành phân tích để đánh giá kết quả đạt được của các hoạt động này, qua đó nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc đầu tư vào hoạt động tài chính nào cao nhất.

- Xây dựng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, có trình độ, biết thu thập và vận dụng phương pháp xử lý thông tin phù hợp, nhạy bén, năng động. Đồng thời biết lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý để giảm thiểu rủi ro trong quá trình đầu tư.

❖ Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng

Các số liệu phân tích trên báo cáo kết quả kinh doanh của công ty chưa phản ánh được hết tình trạng tài chính của công ty, do vậy phân tích tài chính của công ty thông qua các chỉ tiêu tài chính hiện tại và năm trước là vấn đề quan trọng đối với việc đưa ra quyết định của ban lãnh đạo công ty. Thông qua các chỉ tiêu này, ban lãnh đạo công ty tìm ra các điểm yếu cần khắc phục cũng như những tiềm năng cần phát huy để vạch ra kế hoạch tài chính thích hợp cho việc gia tăng lợi nhuận và phát triển công ty.

➤ **Các chỉ số hoạt động**

✓ **Vòng quay các khoản phải thu (Năm 2011).**

$$\text{Số vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

Cu thể :

$$\text{Các khoản phải thu bq} = \frac{2.241.446.181 + 3.969.535.625}{2} = 3.105.490.903$$

$$\text{Số vòng quay các khoản phải thu} = \frac{1.386.497.272}{3.105.490.903} = 0,45 \text{ (vòng)}$$

✓ **Kỳ thu tiền trung bình (Năm 2011) :**

Công thức :

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay các khoản phải thu}}$$

Cu thể :

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{360}{0,45} = 800 \text{ (ngày)}$$

✓ **Vòng quay vốn lưu động (Năm 2011) :**

Công thức :

$$\text{Số vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

Cu thể :

$$\text{Vốn lưu động bình quân} = \frac{8.300.686.862 + 6.081.035.831}{2} = 7.190.861.347$$

$$\text{Số vòng quay vốn lưu động} = \frac{1.386.497.272}{7.190.861.347} = 0,193 \text{ (vòng)}$$

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

✓ **Số ngày một vòng quay vốn lưu động (Năm 2011) :**

Công thức :

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay vốn lưu động}}$$

Cu thể :

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360}{0,193} = 1895,28 \text{ (ngày)}$$

✓ **Vòng quay toàn bộ vốn (Năm 2011) :**

Công thức :

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

Cu thể :

$$\text{Vòng quay vốn toàn bộ} = \frac{1.386.497.272}{5.200.000.000} = 0,27 \text{ (vòng)}$$

Bảng phân tích các chỉ số hoạt động

| Chỉ tiêu | Cách xác định | Năm 2010 | Năm 2011 |
|----------------------------------------------|---------------------------------|----------|----------|
| 1. Vòng quay các khoản phải thu (vòng) | Doanh thu thuần | 1 | 0,45 |
| | Các khoản phải thu bình quân | | |
| 2. Kỳ thu tiền trung bình (ngày) | 360 ngày | 360 | 800 |
| | Số vòng quay các khoản phải thu | | |
| 3. Vòng quay vốn lưu động (vòng) | Doanh thu thuần | 1,26 | 0,193 |
| | Vốn lưu động bình quân | | |
| 4. Số ngày một vòng quay vốn lưu động (ngày) | 360 ngày | 285,7 | 1895,28 |
| | Số vòng quay vốn lưu động | | |
| 5. Vòng quay toàn bộ vốn (vòng) | Doanh thu thuần | 0,83 | 0,27 |
| | Vốn kinh doanh bình quân | | |

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

+ Số vòng quay các khoản phải thu và kỳ thu tiền trung bình:

Số vòng quay các khoản phải thu của năm 2010 là 1 vòng đến năm 2011 bị giảm xuống chỉ còn 0,45 vòng, số vòng quay các khoản phải thu năm 2011 giảm so với năm 2010 là 0,55 vòng. Điều này đã làm cho kỳ thu tiền trung bình năm 2011 tăng lên so với năm 2010. Năm 2010 công ty cần 360 ngày thu hồi nợ, kỳ thu tiền của công ty là khá dài nhưng nó phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty vì đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là tư vấn, thiết kế khảo sát xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng...mà việc thiết kế, khảo sát các công trình thường kéo dài hàng tháng mới kết thúc hợp đồng nên kỳ thu tiền thường kéo dài, nhưng đến năm 2011 công ty kỳ thu tiền lại kéo dài tới 800 ngày mới thu được nợ. Nguyên nhân là do công ty chưa có các chính sách nhằm thu hút khách hàng tiềm năng để tăng doanh thu trong bán hàng và cung cấp dịch vụ, mở rộng thị trường. Do là công ty mới đi vào hoạt động nên bộ máy công ty vẫn còn lỏng lẻo, cjwa có định hướng chiến lược cụ thể nên dẫn tới trong năm 2011 công ty làm ăn thua lỗ.

+ Vòng quay vốn lưu động và số ngày một vòng quay vốn lưu động.

Số vòng quay vốn lưu động trong năm 2010 là 1,26 vòng tức là bình quân cứ 1 đồng vốn lưu động bỏ ra kinh doanh thì thu về được 1,26 đồng doanh thu thuần tương ứng với số ngày 1 vòng quay là 285,7 ngày. Nhưng đến năm 2011 khi bỏ ra 1 đồng vốn lưu động thì chỉ thu được 0,193 đồng doanh thu thuần tương ứng với số ngày 1 vòng quay vốn lưu động là 1895,28 ngày. So với năm 2010, số vòng quay của vốn lưu động năm 2011 giảm mạnh cụ thể là 1 đồng vốn lưu động bỏ ra giảm những 1,067 đồng. Vòng quay vốn lưu động như vậy là không tốt. Nguyên nhân của xu hướng này có thể là do trong năm 2011 vòng quay các khoản phải thu giảm xuống, chúng đã trực tiếp tác động làm vòng quay vốn lưu động cũng giảm theo. Từ sự phân tích ở trên trong các năm tiếp theo công ty phải có sự điều chỉnh hợp lý, chặt chẽ để cải thiện tình hình và hướng tới là làm tăng hiệu quả sử dụng và tiết kiệm vốn lưu động hơn nữa.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

+ Vòng quay toàn bộ vốn.

Vòng quay toàn bộ vốn trong năm 2011 là 0,27 vòng giảm 0,56 vòng so với năm 2010 chứng tỏ doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư giảm. Như vậy các chính sách nhằm thu hút khách hàng, mở rộng thị trường kinh doanh của công ty chưa đạt hiệu quả. Do kỳ thu tiền trung bình tăng và vòng quay vốn lưu động giảm mạnh là nguyên nhân khiến việc bảo toàn cũng như huy động nguồn vốn của công ty rơi vào tình trạng khó khăn.

Về việc bảo toàn vốn: Công ty nên có chính sách bán hàng phù hợp không chỉ với tình hình của thị trường mà còn phù hợp với tình hình tài chính của công ty. Đặc biệt công ty nên chú ý tới chính sách bán hàng chịu vì khi đó các khoản phải thu của công ty sẽ tăng lên, lượng vốn lưu động bị ứ đọng. Điều này sẽ làm giảm khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty, đồng thời có nguy cơ dẫn đến các khoản nợ khó đòi, làm ảnh hưởng đến tài chính của công ty, nguồn vốn kinh doanh sẽ không được bảo toàn.

Về việc huy động vốn: Tùy theo điều kiện cụ thể của công ty mà các nhà quản lý đề ra các biện pháp huy động phù hợp. Hiện nay nguồn vốn dài hạn của công ty là vốn vay của ngân hàng và vốn góp. Tuy nhiên vẫn chưa thực sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu kinh doanh của công ty. Công ty cần có một số giải pháp để nâng cao khả năng huy động vốn hơn nữa như: có các biện pháp thu hồi các khoản nợ một cách nhanh chóng, có chính sách bán hàng phù hợp, tăng doanh thu nhưng cũng cần đảm bảo các khoản nợ đọng là hợp lý, khuyến khích các đối tác cùng bỏ vốn đầu tư, đưa ra các chính sách tín dụng hợp lý.

➤ Các chỉ tiêu sinh lời

✓ Tỷ suất lợi nhuận doanh thu năm 2011 :

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận} \\ \text{doanh thu} \end{array} = \frac{- 716.262.742}{1.386.497.272} \times 100\% = -51,66\%$$

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

✓ **Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn năm 2011 :**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn} = \frac{-716.262.742}{5.200.000.000} \times 100 = -13,77\%$$

✓ **Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu năm 2011 :**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn chủ sở hữu} = \frac{-716.262.742}{4.785.914.958} \times 100\% = -14,97\%$$

Bảng phân tích các chỉ tiêu sinh lời

| Chỉ tiêu | Cách xác định | Năm 2010 | Năm 2011 |
|-------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------|
| 1. Tỷ suất lợi nhuận doanh thu | Lợi nhuận sau thuế | 14,2% | - 51,66% |
| | Doanh thu thuần | | |
| 2. Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn | Lợi nhuận sau thuế | 1,41% | -13,77% |
| | Vốn sản xuất kinh doanh bình quân | | |
| 3. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế | 2,61% | -14,97% |
| | Vốn chủ sở hữu bình quân | | |

Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là đáp số sau cùng của hiệu quả kinh doanh và còn là một luận cứ quan trọng để hoạch định, đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai. Trong năm 2011 các chỉ số sinh lời kém hơn năm 2010, cụ thể như sau:

+ Tỷ suất lợi nhuận doanh thu của công ty phản ánh tính hiệu quả của quá trình hoạt động kinh doanh và lợi nhuận do doanh thu tiêu thụ sản phẩm đem lại.

Tỷ suất lợi nhuận doanh thu năm 2010 là 14,2%. Điều này cho thấy năm 2010 cứ 100 đồng doanh thu tham gia vào kinh doanh thì tạo ra được 14,2 đồng lợi nhuận

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

sau thuế, đến năm 2011 cứ 100 đồng doanh thu không tạo ra một đồng lợi nhuận nào. Đây là một điều đáng lo ngại lớn của công ty trong việc tăng lợi nhuận sau thuế, tăng khả năng sinh lời của vốn kinh doanh. Giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao làm chi phí sản xuất kinh doanh trong mảng xây dựng tăng lên, thêm nữa năm 2011 công ty nhận được ít hợp đồng nên hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giảm sút. Công ty cần có những biện pháp cụ thể để cải thiện tình hình trong những năm tiếp theo.

+ Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn:

Sự kết hợp giữa chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận doanh thu và vòng quay toàn bộ vốn tạo thành chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận tổng vốn. Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn trong năm 2011 là - 13,77% có nghĩa là cứ 100đ vốn bình quân được sử dụng trong kỳ lại mất đi 13,77 đồng lợi nhuận sau thuế. So với năm 2010, cứ sử dụng 100đ vốn bình quân tạo ra 1,41 đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy chất lượng kinh doanh tính bằng lợi nhuận của doanh nghiệp giảm đi rất nhiều.

+ Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu: Qua bảng phân tích trên cho thấy tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2011 giảm so với năm 2010. Cho thấy doanh nghiệp chưa chú trọng đến việc sản xuất kinh doanh.

Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty

- Trước khi thi công, nhận thầu các công trình phòng tư vấn-thiết kế phải lập dự toán thực tế và chi tiết cho từng công trình theo tiến độ tổ chức thi công đã được duyệt đảm bảo không bị lỗ.

- Hàng năm phải lập kế hoạch giá thành toàn công ty hàng quý điều chỉnh giá thành đã lập so với giá thành thực tế sản xuất của công ty. Bộ máy công ty điều hành sản xuất và điều hành các chi phí theo kế hoạch đã lập này.

- Tiến hành tập hợp chi phí tính giá thành theo từng công trình xây dựng. Trên cơ sở đó tiến hành 1 năm phân tích 2 lần các hoạt động sản xuất kinh doanh ở toàn công ty để biết được những hoạt động, chi phí sản xuất đúng hướng và chi kịp thời điều chỉnh cho chu kỳ sản xuất và các công trình dự án.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải

Quản lý chặt chẽ các chi phí gián tiếp, ban hành các quy chế, quy định cụ thể và chi tiết như các chế độ tiếp khách, đi công tác, sử dụng điện nước, văn phòng phẩm,... với chế độ nhà nước quy định phù hợp với điều kiện thực tế của công ty nhưng phải nằm trong giá thành kế hoạch đã được hoạch định. Những trường hợp vượt mức đều phải trừ vào các cá nhân đã sử dụng vượt mức đó.

- Tiết kiệm nguyên vật liệu: Phần lớn các nguyên liệu trong ngành xây dựng là sắt thép, gạch, xi măng... Trong giá thành công trình thì chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất kinh doanh của công ty. Để tiết kiệm khoản mục này, công ty nên xây dựng kế hoạch sản xuất một cách chi tiết, thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Đặc biệt công ty cần phải theo dõi thường xuyên tình hình giá cả nguyên vật liệu trên thị trường thế giới và trong nước để dự đoán sự tăng giảm giá cả trong tương lai, từ đó có kế hoạch mua nguyên vật liệu một cách hợp lý tránh trường hợp phải mua với giá quá cao hoặc phải chậm tiến độ thi công để đợi nguyên vật liệu trong khi hầu hết các nguồn vốn để xây dựng các công trình đều là vốn vay các ngân hàng nếu thời gian xây dựng các công trình quá lâu thì chi phí lãi vay phải trả quá lớn sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Thường xuyên nâng cấp bảo dưỡng thiết bị máy móc tài sản sử dụng. Xác định chế độ hao mòn thích hợp cho những tài sản đưa vào sử dụng để bảo toàn vốn và kết chuyển đầy đủ vào chi phí một cách phù hợp. Mặt khác nâng cấp công nghệ thiết bị phải phù hợp với khả năng tài chính công ty.

- Giảm bớt chi phí quản lý kinh doanh một cách tối đa. Để quản lý chặt chẽ và giảm các khoản chi bất hợp lý công ty cần rà soát các khâu. Đặt ra các định mức chi tiêu đưa ra điều kiện xét duyệt cụ thể.

► Như vậy công ty sẽ cắt giảm được khoản lớn chi phí :

Chi phí vốn: Vốn quay vòng luôn luôn sẵn sàng không bị ứ đọng dưới dạng hàng tồn dự trữ.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ tình hình tài chính, công nợ của công ty. Xem xét lại cơ cấu vốn, cách thức sử dụng vốn của công ty để thấy được hoạt động của vốn và chủ động tìm giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng trang trải cho nhu cầu với chi

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
Tur Ván Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải***

phí thấp nhất. Thu hồi vốn đảm bảo đủ phục vụ kinh doanh, cũng như công ty không nên kéo dài các khoản thanh toán.

► Công ty sẽ kiểm soát được tài chính và có kế hoạch sử dụng tốt hơn:

Tập trung vốn cho các hoạt động chủ lực

Cân đối lại công nợ để đảm bảo vốn hoạt động công ty không bị chiếm dụng quá lớn vừa làm giảm khả năng thanh toán cũng như mất đi hiệu quả sinh lời của vốn.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

**PHỤ LỤC
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm | |
|------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150) | 100 | | | 8.300.686.862 | 6.018.035.831 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | III.01 | | 5.804.561.312 | 2.008.321.710 |
| II. Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn | 120 | III.05 | | | |
| 1. Đầu t tài chính ngắn hạn | 121 | | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu t tài chính ngắn hạn (*) | 129 | | | | |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | | 2.241.446.181 | 3.969.535.625 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | | | 884.355.234 | 2.660.734.148 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | | 1.357.090.947 | 1.308.801.477 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 138 | | | | |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 139 | | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | | 178.245.458 | 10.245.458 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | III.02 | 178.245.458 | 10.245.458 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | | 76.433.911 | 29.933.038 |
| 1. Thuế giá trị gia tăng đọc khấu trừ | 151 | | | | |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 152 | | | | |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | | 76.433.911 | 29.933.038 |
| B. Tài sản dài hạn (200=210+220+230+240) | 200 | | | 4.125.582.718 | 4.108.357.383 |
| I. Tài sản cố định | 210 | III.03-04 | | 3.265.866.545 | 3.377.981.165 |
| 1. Nguyên giá | 211 | | | 4.606.283.328 | 4.591.083.328 |
| - Nguyên giá(211) | 211A | | | 4.579.283.328 | 4.564.083.328 |
| - Nguyên giá(212) | 211B | | | | |
| - Nguyên giá(213) | 211C | | | 27.000.000 | 27.000.000 |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 212 | | | (1.346.782.480) | (1.219.467.860) |
| - Hao mòn TSCĐ hữu hình | 2121 | | | (1.334.782.480) | (1.207.467.860) |
| - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính | 2122 | | | | |
| - Hao mòn TSCĐ vô hình | 2123 | | | (12.000.000) | (12.000.000) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 213 | | | 6.365.697 | 6.365.697 |
| II. Bất động sản đầu t | 220 | | | | |
| 1. Nguyên giá | 221 | | | | |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế | 222 | | | | |
| III. Các khoản đầu t tài chính dài hạn | 230 | III.05 | | | |
| 1. Đầu t tài chính dài hạn | 231 | | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu t tài chính dài hạn (*) | 239 | | | | |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 240 | | | 859.716.173 | 730.376.218 |
| 1. Phải thu dài hạn | 241 | | | | |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 248 | | | 859.716.173 | 730.376.218 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 249 | | | | |
| Tổng cộng tài sản (270=100+200) | 270 | | | 12.426.269.580 | 10.126.393.214 |
| A. Nợ phải trả (300=310+320) | 300 | | | 6.426.968.001 | 6.577.846.885 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | | 5.135.868.001 | 5.006.846.885 |

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty CP
 Tư Vấn Thiết Kế Đầu Tư Miền Duyên Hải**

| | | | | | |
|------------------------------------------------|------------|--|--------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Vay ngắn hạn | 311 | | | | |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | | | 1.771.326.732 | 2.411.196.617 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | III.06 | 3.252.714.886 | 2.290.860.800 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | | | 111.826.383 | 304.789.468 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | | | |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | | | |
| 7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 318 | | | | |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 319 | | | | |
| II. Nợ dài hạn | 320 | | | 1.291.100.000 | 1.571.000.000 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 321 | | | 1.291.100.000 | 1.571.000.000 |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn | 329 | | | | |
| B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430) | 400 | | | 6.032.283.587 | 3.548.546.329 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | | 6.032.283.587 | 3.548.546.329 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | | 6.800.000.000 | 3.600.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | | |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | | | |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | | | |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 415 | | | | |
| 6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | 416 | | | | |
| 7. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | | (767.716.413) | (51.453.671) |
| II. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 430 | | | | |
| Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400) | 440 | | | 12.459.251.588 | 10.126.393.214 |
| Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán | | | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | | | |
| 2. Vật t, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công | | | | | |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi | | | | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | | | |
| 5. Ngoại tệ các loại | | | | | |

KẾT LUẬN

Với xu thế hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay thì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Do đó việc quản lý và sử dụng tài chính sao cho có hiệu quả là vấn đề sống còn của mọi doanh nghiệp. Hoạt động tài chính là một trong những hoạt động cơ bản, quan trọng nhất của quá trình sản xuất- kinh doanh. Nó gắn liền với tất cả các khâu của quá trình kinh doanh từ huy động vốn cho tới khi phân phối lợi nhuận. Hơn thế nữa, thông qua nó, người ta có thể giải quyết các mối quan hệ phát sinh cũng như đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị trong kỳ. Chính vì vậy, công tác hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo tài chính cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải luôn được đặt lên hàng đầu, góp phần đáp ứng nhu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, sự giám sát quản lý của Nhà nước và sự quan tâm của nhiều đối tượng khác đặc biệt là các nhà đầu tư.

Nhận thức được điều đó em đã đi sâu tìm hiểu và thu thập được kiến thức thực tế về hệ thống phân tích tài chính, công tác kế toán và thực trạng của công ty Cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải trong việc lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, đây là một vấn đề khó khăn và phức tạp cùng với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót, em mong nhận được sự góp ý của các thầy, cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới cô giáo ThS Phạm Thị Nga, các thầy cô giáo trong bộ môn và các cô chú phòng Kế Toán- Tài Chính công ty Cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 18 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Lê Thị Hà

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **Giáo trình phân tích báo cáo tài chính** của trường ĐH kinh tế Quốc dân- do PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc-trưởng bộ môn Phân tích hoạt động kinh doanh chủ biên.

- **Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh** do PGS.TS. Phạm Thị Gái và tập thể cán bộ giảng dạy của khoa kế toán trường Đại học kinh tế Quốc dân biên soạn.

- **Chế độ kế toán doanh nghiệp** ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- **Chuẩn mực kế toán số 21** Ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Trang web: [www. Chuanmucketoanvietnam.com](http://www.Chuanmucketoanvietnam.com)

Và một số tài liệu, số sách do công ty Cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư Miền Duyên Hải cung cấp.